

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



# LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 2 – THÁNG HAI NĂM CANH-TÝ

# LIÊN-HÒA NGUYỆT-SAN

Số II năm thứ VI  
Rằm tháng 2 năm Canh-Tý — (12 - 3 - 1960)

## TRONG SỐ NÀY:

Ý nghĩa ngày Đại-hội Non nước.	<i>Liên-Hoa</i>
Đại Tàng Lâm.	<i>Thích Thiện-Hoa</i>
Đối thoại trong Thuyền Tôn.	<i>Pierre Pégou</i>
Quán Thế Âm. (thơ)	<i>Thạch Trung Giã</i>
Kinh Tiều phân biệt.	<i>Thích Minh-Châu</i>
Người Phu xe cũ (chuyện ngắn)	<i>Tâm-Xuyến</i>
Thư gửi bạn.	<i>Nguyễn Thái</i>
Tình thương nguồn sống muôn loài.	<i>Huyền-Không</i>
Mùi đạo trong thơ.	<i>Quách-Tấn</i>
Những ngã đường (chuyện dài)	<i>Võ-đình-Cường</i>
Ngũ hành Sơn	<i>Xuân-Linh</i>
Mục đích và lịch trình tiến triển của GDPT	<i>Hùng-Khanh</i>
Câu chuyện Văn nghệ	<i>Lê-cao-Phan</i>
Tin Tức	

## KÍNH CẦU :

Liên-Hoa số tháng 3 tạm nghỉ để chuẩn bị ra số đặc biệt Phật Đản 8-4. Vị nào muốn góp bài vào số đặc biệt ấy để cúng dường Phật Đản, xin gửi về Tòa Soạn trước ngày 1 tháng 3 Âm lịch (27-3-1960) chúng tôi sắp đặt in mới kịp. Các năm trước có nhiều bài rất hay, nhưng khi về đến Tòa Soạn quá chậm, nên không thể đăng được thật đáng tiếc.

LIÊN-HOA

# Ý NGHĨA NGÀY ĐẠI-HỘI

## Ở NON-NƯỚC

LIÊN-HOÀ

**T**RONG mấy ngày gần đây, chùa Non-nước đang tung bừng Đại-hội. Khắp các nẻo đường trên đất nước thân yêu, giòng người tín đồ Phật-giáo lũ lượt tuôn chảy về dâng hương tại chùa Non-nước, một thắng cảnh có thể nói là đẹp nhất của Việt-Nam. Giáo hội Tăng-già Trung-Việt đã sáng suốt đứng ra đảm-nhiệm trọng trách tổ-chức cuộc lễ này, vì Giáo-hội nhận thấy ngoài Giáo-hội ra thì không một cá-nhân hay đoàn-thể nào có đủ danh nghĩa và hậu thuẫn để đứng ra tổ-chức.

Non nước từ ngàn xưa là một nơi thờ Phật, một trung-tâm Phật-giáo, mà qua các triều đại, vua quan và dân chúng đã góp sức xây dựng, tô đắp thêm vẻ đẹp cho cảnh thiên nhiên, và nhất là đã chung góp tín-tâm để tạo nên một cảnh thiêng liêng cho đất nước. Đi vào động Hoa-nghiêm, đi vào động Huyền-không, không có một kẻ hành hương nào, dù Phật-tử hay không Phật-tử mà không thấy lòng mình rộn ngợp lên một niềm tôn sùng, một ý nguyện cao cả, thanh-thoát lâng lâng.

Trong mấy năm chiến tranh Việt Pháp, « Non-nước » bị ngăn chặn, đường đi trở thành nguy hiểm khó khăn, kẻ hành hương hay du-ngoạn khó có thể tới viếng cảnh dâng hương được. « Non-nước » vì thế bị lu mờ trên bản đồ những thắng cảnh và trong lòng những

người mộ đạo. Ngày nay, nước nhà đã thái-bình « Non-nước » phải được phục hồi thanh thế và địa-vị quan trọng của mình về cả hai phương diện : một trung tâm hành hương và một danh thắng. Nhất là từ ngày đất nước bị chia đôi, người Việt miền Nam và người Việt miền Bắc di-cư, không còn có dịp đi hành hương ở chùa Hương-Tích, đền Sòng, đi viếng động Phong-Nha, thì Ngũ-hành-Sơn, chùa Non-nước, động Huyền-không phải được thay thế vào những thắng cảnh nói trên để làm dịu được đôi phần nỗi nhớ thương về đất Bắc, nỗi nhớ thương về dĩ-vãng, củng cố thêm tình thương yêu đất nước, đâm sâu gốc rễ vào núi sông để tiếp xúc với những giòng mồ hôi và máu huyết, mà ông cha chúng ta đã đổ xuống trên bước đường Nam tiến.

« Non-nước » là một thắng cảnh thiêng liêng, một nơi kết tinh của bao nguồn tin tưởng : tin tưởng ở cái Đạo đã chung góp nước mắt và nụ cười với sự phé hưng của dân tộc, tin tưởng ở khiếu thẩm-mỹ của người Việt đã biết dung hòa bàn tay người với cảnh thiên-nhiên, tin-tưởng ở khả năng bảo thủ những gia-tài quý báu của ông cha.

Bởi vậy cho nên trong cái ngày mừng sự hoàn-tất những tu bồ ở Non nước của Giáo Hội Tăng-già Trung Việt, sau những năm chiến tranh tàn phá chúng tôi nhận thấy cần phải khua chuông, đóng trống để tín-đồ Phật-giáo và dân chúng chú ý hướng về Non nước, để tìm một sự thỏa-mãn cho niềm tin, một sự thỏa mãn cho nguồn mỹ cảm, một sự tiếp xúc với quá khứ, tiền nhân và một sự đoàn tụ giữa người dân Việt.

# ĐẠI-TÙNG-LÂM

Ủy-viên Giáo-dục Giáo-Hội Tăng-Già toàn-quốc

THÍCH THIỆN-HOÀ

**P**HẬT thường dạy :  
« Hồ ly sơn, hồ bại, Tăng  
ly chúng tăng tàn !. (Cọp lìa  
rừng, cọp bị bại, Tăng rời  
chúng tăng hư) Ngay trong  
chữ Tăng-già (Sangha) cũng  
có nghĩa là một nhóm tu-sĩ  
sống chung với nhau rồi, một  
tu sĩ sống riêng biệt một mình  
không thể gọi được là Tăng-  
Già. Khi Phật còn tại thế,  
Tăng chúng đều ở chung với  
nhau trong những tịnh-xá lớn-  
lao chứa từng ngàn người. Như  
thế mới đúng nghĩa là xuất-  
gia, ít nhất là trong nghĩa hẹp  
của nó, noi theo tổ-chức đầu  
tiên của Phật, các nước thuộc  
tiểu thừa Phật-Giáo, đều có  
những tịnh-xá vô cùng rộng lớn  
(cho đến ngày Ngài Huyền-  
trương sang Ấn-Độ thỉnh-kinh,  
nghĩa là 13 thế-kỷ sau khi  
đức Phật nhập Niết-bàn,

Ngài vẫn còn thấy trong nhiều  
thành phố có những tịnh-xá  
lớn lao mà Tăng-chúng có  
đến trên vài ngàn người.

Trong những thời đại Phật-  
Giáo thịnh hành, ở Trung-Hoa  
cũng có rất nhiều cảnh chùa  
đại-quy-mô ở trên những ngọn  
đồi, đất rộng tu-sĩ nhiều như  
những cái làng đông dân-cư.  
Đó cũng là những tịnh-xá,  
hay nói cho đúng danh-từ  
Trung-Hoa, là những Đại-  
Tùng Lâm. Ở Nhật, ngày  
nay những Đại-Tùng-Lâm  
ấy rất nhiều. Có nhiều tỉnh  
có 5,7 cảnh Đại-Tùng-Lâm,  
trong ấy nhà cửa và sinh-hoạt  
như là của một Đô-Thị nhỏ : nào  
chùa, nào thát, nào nhà thương,  
nào trường Đại-Học, nào  
Xưởng Kỹ nghệ, nào Khách-  
sạn, Phòng ngủ v.v.. Mỗi  
khi nói chuyện hay sai bảo,

từ sở này hay sang sở khác, người ta phải dùng điện thoại. Do đó Tăng-Già Nhật-Bồn được tu-học dễ-dàng, nhiều uy tín trong dân chúng và Đạo Phật giữ một vai trò quan-trọng trong sự lãnh-đạo tinh-thần của Quốc-Gia.

Nhìn lại Việt-Nam, chúng ta không khỏi buồn tủi khi thấy toàn quốc chưa có một ngôi chùa nào có trên một trăm tu-sĩ. Do đó Tăng-đồ rời rạc, mỗi người một cõi, thiếu sự kiểm-soát, thường hay sanh nhiều tệ đoan trong Tăng giới.

Trong công cuộc chung, thiếu người gánh vác, vì ai lo chùa này, mỗi tu-sĩ đều có tin đồ riêng, do đó tín-đồ cũng thành từng phe từng nhóm, thiếu tinh thần đoàn kết. Về học hỏi cũng thiếu phương tiện, thiếu học đường, thiếu Giáo-Sư, mạnh ai lo nấy.

Nhận thấy những tệ-đoan và thiệt thòi ấy, Hội Phật - Học Trung-Việt, trong thời tiền chiến đã khởi công thực hiện chương - trình xây - dựng một Đại-Tùng-Lâm ở Kim - Sơn

(cách Huế 12 cây số) công cuộc đang tiến hành một cách đầy hứa hẹn, thì cuộc đảo chính Nhật vào năm 1944 đã khiến cho công việc phải bỏ dở, và trong thời chiến tranh Việt, Pháp vừa qua, Kim-Sơn với những ngôi chùa, học đường, nhà trai, những đồi khoai sắn, rau cải xanh tươi, đều làm mối cho lửa đạn hung - tàn, ngày nay Kim-Sơn chỉ còn lại là một cái đồi hoang phế, u buồn, phượng-phất một niềm hoài - vọng không nguôi, như những oan hồn uổng-tử đang vật-vờ tìm lối thoát thai.

Ngày nay gọi lên vấn-đề Đại-Tùng-Lâm, chúng tôi không thể không ngậm ngùi nhớ tiếc cái công cuộc đại-quy-mô đã được xây - dựng với rất nhiều mồ hôi và tâm - huyết ấy và cùng với nỗi nhớ tiếc trên, là lòng cảm phục sự sáng suốt, nhìn xa thấy rộng của các vị tiền-bối trong phong trào chấn hưng Phật-Giáo nước nhà, đã biết đặt đúng trọng tâm công-tác trong khi đề xướng thực hiện chương - trình xây - dựng Đại-Tùng-Lâm.

Chúng tôi cho Đại-Tùng-Lâm là một trọng tâm công-tác của phong-trào chấn-hưng Phật-Giáo Việt-Nam. Nói như thế không có gì là quá đáng. Chúng tôi thành thật nghĩ như vậy. Nếu chưa có Đại-Tùng-Lâm thì Phật-Giáo nước nhà chưa được xây dựng trên một nền tảng vững-chắc. Trước tiên, vấn-đề thống-nhất Phật-Giáo đòi hỏi một Viện Tăng Thống, là chủ não của Giáo-Hội Tăng-Già cũng như toàn thể tín-đồ Phật-Giáo. Nhưng Viện Tăng-Thống sẽ đặt ở đâu? Nếu không có Đại-Tùng-Lâm? Viện Tăng-Thống tập trung tất cả hoạt-động của Giáo-Hội Toàn-Quốc, nên phải cần có rất nhiều cơ quan phụ thuộc, nếu không có Đại-Tùng-Lâm thì công việc sẽ khó điều-động và vấn-đề trung-ương tập quyền khó thành tựu được.

Đại-Tùng-Lâm sẽ giải quyết rất nhiều vấn-đề nan giải từ trước đến nay, như vấn-đề tu-học của Tăng-Già chẳng hạn. Đại-Tùng-Lâm sẽ là nơi quy

tụ các Tăng-tài thực tu, thực học. Và cái nhóm Tăng-Già tinh hoa của Phật-Giáo Việt-Nam ấy khi quy-tụ về một chỗ, sẽ gánh vát được rất nhiều công tác lợi ích như làm giáo-sư trường Đại-Học Phật-Giáo, cung cấp Giảng-sư và trụ-trì cho các Tỉnh-Hội, phiên dịch kinh điển để hoàn-thành Tam-tạng kinh điển Việt-Nam.. Đại-Tùng-Lâm còn là một tổ-chức kiểu-mẫu của đời sống Tăng Già theo đúng lục-hòa, một đời sống có đạo-vị, và mỗi người khỏi phải bận tâm lo riêng cho sự sống, ngôi chùa nhỏ nhỏ của mình mà quên mất nhiệm-vụ cao-quý là hóa - độ chúng sanh.

Tóm lại, Đại-Tùng-Lâm là một xã hội kiểu-mẫu nhỏ nhỏ của Phật-Giáo, trong ấy có một bộ óc sáng suốt và đức-hạnh điều hòa mọi sinh-hoạt, một xã-hội mỗi tu-sĩ được khai thác năng-lực mình một cách hợp lý và hợp căn-cơ, một xã-hội mà người trẻ được tu-học đến nơi đến chốn, người lớn được phục-vụ Đạo và đời



một cách tích-cực, người già được nuôi dưỡng một cách chu đáo và thân yêu, một xã-hội tự-túc về phương-diện vật-chất nhờ những cơ-quan sản-xuất như nhà máy dệt, các sở trồng trọt . . .

Để thực hiện mục đích trên, công việc đầu tiên là cần một khoảng đất, nếu có được một ngọn đồi thì càng tốt, diện-tích ít nhất là độ 5 mẫu tây, xa thị tứ, nhưng không quá hẻo lánh, và thiếu phương-tiện giao-thông. Địa điểm ấy cần có khí hậu tốt, nước ngọt và đất cát phì nhiêu.

Công cuộc xây-dựng Đại-Tùng-Lâm này, tất nhiên là phải chia làm nhiều đợt và tiến-hành một cách tuần-tự, theo kế hoạch và chương-trình đã vạch sẵn, nhưng khi hoàn thành, ít ra phải chứa được từ 1.000 người trở lên, và phải có đủ các cơ-sở sau đây :

1) Trước tiên, vì đây là một cảnh chùa, nên công cuộc xây cất phải đúng là một cảnh chùa, nghĩa là phải có cảnh thanh-tĩnh, vườn hoa lâu chuông trống,

chánh điện (có thể dung chứa trên 500 người, nhà tổ, nhà giảng, nhà tu thiền, tịnh thất của các vị trụ trì, tháp v.v...

2) Thứ đến, vì đây là trụ-sở Trung-ương của Giáo-Hội Tăng-Già toàn-quốc, là nơi đặt viện Tăng-Thống nên phải có văn-phòng của viện, tịnh-thất của quý-vị Đại-đức Hòa-Thượng trong viện Tăng-Thống, nhà khách để cho quý vị Tăng Già và cư-sĩ ở khắp nơi trong và ngoài nước đến trọ.

3) Thứ nữa, vì đây là một nơi đào-tạo Tăng-tài, một trung-tâm giáo-dục Phật-Giáo, nên phải có trường Trung-Học và một trường Đại-Học Phật-Giáo, ký-túc-xá cho sinh-viên, thư viện, nhà Giáo-sư, giảng-sư, Tỳ-khưu, Sadi cho lão thành xuất-gia, cho thanh-niên có học thức xuất-gia. Mỗi hạng người này đều có những gian nhà riêng biệt, chứ thanh-niên không thể ở chung lộn với lão thành, sinh-viên không thể ở chung với Giáo-sư hay Giảng-sư được.

4) Có làm việc, tất phải có giải trí, có nơi để bồi dưỡng sức khỏe và phòng khi đau ốm, ở đây cũng cần có những sân tập thể-thao thể-dục, nhà thương, nhà dưỡng lão, cho quý Tăng-Già quá tuổi hoạt-động, (chẳng hạn như quý vị Tăng-Già trên 65 tuổi), nghĩa địa v.v...

5) Sau hết, đề có thể tự túc về vật chất, cũng nên nghĩ đến sự xây-dựng những cơ-quan sản-xuất và kỹ-nghệ như xưởng dệt, xưởng chế-tạo các thực-phẩm của nhà chùa, như tương chao, vị tâm, xưởng làm hương đèn, các tự khí, chuông trống, nhà-in, các đám rầy trồng trọt v.v... Tuy thế phần sau này nếu thấy thuận tiện thì xây-dựng trong Đại-Tùng-Lâm, còn không thì có thể lập ở các nơi khác xét ra thuận-tiện hơn.

Trên đây chúng tôi chỉ phác họa qua các cơ-quan cần-thiết, chứ không thể nói hết chi tiết được. Để có một ý niệm tổng-quát, chúng tôi thử vạch một họa đồ Đại-Tùng-Lâm ở đây trong khi chờ đợi những ý-kiến của quý-vị độc-

giả và mong nhờ những kiến-trúc-sư phác họa lại. Họa đồ xây-dựng cần phải dựa theo địa hình đại thể, trong khi chúng ta chưa tìm được địa điểm, tất chúng ta chưa có thể phác họa một cách rõ ràng được.

Thưa quý-vị độc-giả.

Những lời trên đây chỉ là một ước mong, nhưng đó là một sự mong ước thiết-tha, không chỉ của riêng chúng tôi, mà của toàn thể Giáo-Hội Tăng-Già Việt-Nam và của những tín đồ có tầm mắt nhìn xa thấy rộng. Bao giờ chưa có Đại-Tùng-Lâm thì giới Tăng-Già vẫn bị rời rạc, viện Tăng-Thống chưa thể thành hình, nên thống-nhất Phật-Giáo Việt-Nam chưa được củng cố, giới Phật Tử Việt-Nam chưa có nơi quy hướng duy nhất, các công-tác hoạt-động của Phật-Giáo Việt-Nam chưa được tập trung, sự tu học của Tăng-Già chưa được thuận tiện và đúng mức, đối ngoại Phật-Giáo Việt-Nam chưa lấy lại được uy-danh, cần phải có như ở đời Lý,

đời Trần, vẫn chưa có một cơ sở đồ-sộ, xứng đáng, với mấy triệu tín-đồ Việt-Nam trước con mắt quan sát của người ngoại quốc khi đặt chân trên đất nước này.

Nói tóm lại, chưa có Đại-Tùng-Lâm thì Phật-Giáo nước nhà chưa có thể hưng thịnh một cách mạnh mẽ như ý muốn chúng ta được.

Vì thế, từ lâu mặc dù bao công-tác bận rộn hàng ngày, Giáo-Hội vẫn luôn luôn đề ý đến việc xây-dựng Đại-Tùng-Lâm và xem như việc chính-yếu của Giáo-Hội. Nhất là từ ngày Giáo-Hội toàn-quốc bầu lại ban chấp hành vấn-đề Đại-Tùng-Lâm trở thành khẩn cấp. Giáo-Hội đã cử một ban trong ban Tổng-Trị-Sự đi tìm địa điểm cho Đại-Tùng-Lâm, luôn luôn trong bốn tháng nay, nhưng vẫn chưa tìm được một địa điểm như ý. Nếu có được một địa điểm thì có thể nói là công việc xây-dựng Đại-Tùng-Lâm đã bắt đầu, và bắt đầu bằng một cách tốt đẹp nữa, về vấn-đề khó khăn nhất là địa điểm, mà địa điểm đã có rồi thì mọi sự xây cất về

sau cứ tuân-tự mà tiến, và càng tiến chúng tôi tin chắc càng mau. Đó là luật tiến - bộ : Bao giờ mở đầu cũng khó khăn (vạn sự khởi đầu nan) nhưng khi bộ máy đã chạy rồi thì cái đà tiến cứ nhanh lên mãi.

Cho nên chúng tôi thiết-tha mong mỗi quý-vị Phật-Tử lưu ý cho vấn đề này. Quý-vị độc-giả nào thấy có một địa điểm nào tốt, xin giới thiệu ngay cho Giáo-Hội và nếu vị nào có đất mà đạo-tâm lớn lao muốn cúng cho Giáo-Hội để xây-dựng một cơ sở đồ-sộ, trung-tâm quan trọng bậc nhất của Phật-Giáo Việt-Nam thì xin đừng bỏ dở cơ hội. Đó là một sự đóng góp lớn lao và quý-báu nhất mà một Phật-Tử có thể tin rằng mình đã làm được một cách có ý nghĩa nhất trong đời sống ngắn ngủi và tạm bợ này.

Mong rằng tất cả quý vị Phật-tử thâm cảm cho rằng hiện giờ Phật-Giáo Việt-Nam đang mong ước có một Đại-Tùng-Lâm như người khát nước uống.

# ĐỐI THOẠI TRONG

## THUYỀN-TÒN

Pierre Pegon

Ở Tây-Phương, khi nói đến Thuyền-Tôn chúng ta chỉ thích nhớ đến phương diện kỳ lạ của nó mà chúng ta sẵn sàng gán cho tính cách phi lý nhất là cái lối Thuyền-Tôn xét nghĩ các vấn đề của chúng ta không khỏi làm chúng ta ngạc nhiên, có khi còn làm chúng ta ngao ngán nữa: nguyên do tại chúng ta chỉ nhìn thấy ở Thuyền-Tôn một sự hồ hững đặt sai chỗ và một sự từ chối hiển nhiên không muốn rõ ràng và dễ hiểu.

Chúng tôi đã hỏi giáo-sư Suzuki tại sao các vị Thuyền-sư (là vị tu thuyền định) với những câu trả lời bí hiểm của họ đã không chút nào sẵn sàng chỉ vẽ cho những người có trình độ hiểu biết trung bình. Giáo-sư đã hăng hái trả lời: « Quả thật quý ông đã không biết rằng trái lại họ đã hết sức cố gắng biết bao để làm cho người ta hiểu. »

Trong những câu đối thoại sau đây, chúng ta sẽ thấy rằng nếu chúng ta ngạc nhiên về câu trả lời của vị Thuyền-sư thì chúng ta lại chẳng bao giờ ngạc nhiên về câu hỏi đã nêu ra. Tất cả những cái gì thuộc về thành kiến, tín ngưỡng, tưởng tượng trong câu hỏi chỉ hiện ra với chúng ta thôi. Câu hỏi nêu ra thật là hợp với lẽ phải, hợp với lương tri, nên theo ý chúng tôi, hoàn toàn chánh đáng vậy.

— Một đồ đệ hỏi: « Thuyền-Tôn là gì? » — « Nhà người hãy hỏi cái cột kia. » — « Con không hiểu Thầy. » « Cái dốt của ta còn tệ hơn của nhà người nhiều. »

— Một sa-môn hỏi ngài Linh-Thao: «*Ngài sinh ở đâu?*»

— *Mặt trời mọc phương Đông, mặt trăng lặn phương Tây.*»

— Với câu hỏi: «*Việc Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma đến Trung-Hoa có ý nghĩa gì?*» Ngài Sao-Châu đáp: «*Cây tùng-bá ở trong vườn.*»

Thánh kinh của Bà-la-môn giáo có nói rằng: «*Thánh-nhân thức tỉnh khỏi cái gì là đêm tối đối với mọi người, nhưng con người thức tỉnh khỏi cái gì là đêm tối đối với Thánh-nhân.*» Đây không phải là một lối đảo lộn trật-tự bình thường hay sao? Khi chúng ta hỏi một vị Thuyền-sư có phải là chúng ta muốn trau dồi cái trí chúng ta thêm kiến thức mới mẽ hay là để đạt cái uyên thâm còn thiếu nơi sự nhận xét của chúng ta? Vị Thuyền-sư, Ngài tỏ ra từ tâm tâm Ngài rất chân thành trong những câu trả lời phát xuất từ lòng từ bi thương xót chúng sinh, lòng từ bi mà các sa-môn thường thích gọi là cái «*trình bà thương cháu.*» Ý của Thuyền-sư nhất thiết không phải là để thỏa mãn câu hỏi của chúng ta, nhưng chính là để khích gọi «*giác tánh*» vô thượng nơi mỗi chúng ta.

Ngài Y-Tôn trong một bài giảng đã nói: «*Nếu tôi nói ra thành ra tôi bán bỏ, nếu tôi làm thính tôi làm người ta thất vọng, ngoài tiếng nói và im lặng có một con đường, nhưng miệng tôi không đủ rộng để chỉ cho các người.*» Tuy nhiên những đồ đệ hỏi cảnh thực tại và muốn người ta lấy tay để đỡ như có thể đỡ một con bò vậy. Nhưng giáo huấn của Thuyền sư trước sau vẫn duy nhất và chận đứng trí tưởng tượng ấy.

«*Thật ra, biết rằng không có chút con gì để bám vào mới là trí tuệ hoàn toàn và vô thượng.*» Nhưng trước một trống rỗng vô tận như thế, con người cảm thấy đất sụp dưới chân và nỗi lo âu đến xâm chiếm mình. Muốn khỏi mất chân đứng, con người đặt ra những câu hỏi, thấy cần có một toàn-thể đều hòa trong đó mọi vật kể cả con người đều có vị trí riêng

biệt của mình. Nhưng mỗi vật không có chỗ riêng, và với một câu hỏi nêu ra cũng không có câu trả lời đặc biệt thích ứng. Bất cứ quan-niệm nào, hợp lý hay không, (ngay cả đến sự yên lặng) đều có giá trị như nhau. Nếu các vị Thuyền-sư đã tránh trả lời hợp lý, không phải câu trả lời như thế tự nó là sai lạc, mà chỉ sai lạc trong phạm vi xem câu trả lời đó là câu hợp lý độc nhất, loại trừ tất cả những câu khác. Sai lạc chính ở chỗ độc nhất ấy, ở chỗ riêng biệt ấy. Khi đề cập đến chân lý tuyệt đối của sự vật thì cái giá trị của giải thích đưa ra nhảm thoã mãn một câu hỏi là hoàn toàn giả tạo. Vấn và đáp bao hàm một thể giới của các mối tương quan tức là một trở ngại căn bản cho sự « *thấu hiểu* » sự vật ngay trong thực tại của chúng.

Người nào có ý thử bắt chước lối xử sự của Thuyền-sư thì tự mình trở nên lố lăng vì chỉ có công-năng của vị Thuyền-sư mới có thể đề ra câu trả lời là biểu hiện của một sự đích xác, của một thực hiện đến chỗ ly nhân-quả tương. Khi nói « ly nhân-quả tương » là chân lý tuyệt đối, chúng tôi không có ý đem nó đối chiếu với thể giới nhân-quả và xem nó như một bản thể riêng biệt, siêu nhiên. Nói đến ly nhân quả tương ta nên hiểu đó là khả năng vô cùng của mọi vật, một tự do tuyệt đối mà không chút gì ngăn trở.

Nhưng người ta sẽ cãi lại rằng vị Thuyền-sư dùng những chữ nào đó chứ không phải những chữ khác, tất nhiên chúng nó phải có một nghĩa riêng.

Chúng nó chỉ là biểu-hiện của một trực giác không thể đóng khung trong một cách thức nhất-định của sự biểu-hiện. Khi thấy nước ở trong hình dạng của cái bình mà lại đi nghiên cứu cái bình để hiểu nước là thể nào thì thật là vô ích. Trong khi phân tách và đối chiếu chúng ta sẽ chẳng thấy gì đó cả, vì không có gì ở đó cả. Cái lý trí chúng ta, cái quyền-niệm

chúng ta với hình thức đòi hỏi một ý thức, một ý nghĩa nhất định cho một biểu-hiện đã nêu ra.

Nhưng nếu chỉ nói đến một biểu-hiện nhất thời của một trực giác thì tại sao lại dùng lại và nhắc lại? Đến bây giờ đây, đáng lẽ ra biểu-hiện đó đã hết cả giá trị rồi?

Nó hết, nếu chúng ta chỉ nhìn thấy danh ngôn. Nơi đây không bao giờ có gì cả. Nhưng nó viên-mãn khi cái trí đã không bám víu vào nữa. Phải hiểu lời nói của vị Thuyền-sư trong sự minh bạch của lời nói ấy, tự nhiên không còn một ý nghĩa riêng nào bởi vì lời nói chỉ biểu lộ cái ý của Thuyền-sư mà thôi. Và muốn tìm ra cái ý của Thuyền-sư thì phải tự thoát mình ra khỏi mọi giới hạn, mọi ý kiến, không dừng lại một nơi nào. Ý của Thuyền-sư là vô ngã, vì không tự-biệt nên được gọi là vô-niệm, hay là nhất-thể trí, có đặc tính là biến chiếu giống như:

« . . . . . niềm vui lan ra trong gió mai quện hương bạc-hà và dạ-thảo, ngoài ra chỉ là văn-hoa »

Ngài Hoàng-Phổ hỏi đồ đệ Linh-Chi: « Nhà ngươi đi đâu? » — « Nếu không phải về phía Nam của con sông thì về phía Bắc. » Câu trả lời rất đơn sơ ấy làm chúng ta liên tưởng đến bài thơ của Basho: « *Này một ao cũ — con ếch nhảy xuống, — ò, tiếng nước động!* »

Vị Thuyền-sư đi chẳng theo con đường nào cả, vượt qua sông núi:

« Hai tay không, ta cầm trong tay cái xén, ta đi bộ mà tay thế ta cỡi một con bò, khi ngang qua cầu, xem này, nước không động nhưng cầu trôi. » (Thần-Tú)

Do những mâu-thuẫn ấy, vị Thuyền-sư bắt chộp cái nhận xét của chúng ta đang tập trung về sự vật. Xác định và phủ định đối chọi nhau trong trí chúng ta một cách quá chặt chẽ đến nỗi không thể tưởng tượng là chúng có thể đồng thời cùng nhau áp dụng cho một vật được. Cái ý thức hợp lý chúng ta sẵn sàng gạt bỏ ngay cuộc biện luận, nhưng chúng ta vẫn còn một nỗi lo âu, một mối hoài nghi: tất cả lối suy tưởng của chúng ta, tất cả lối sống của chúng ta không phải là liên quan đến đó hay sao?

Chúng ta có thể xem mối hoài nghi kia, căn cứ trên sắc thái của bản thể chúng ta, như là một sự thức tỉnh đầu tiên. Trong khi chúng ta tìm tòi, xác định và phủ định sẽ xuất hiện ra như là những giới hạn mà những mâu thuẫn của vị Thuyền-sư cố gắng phá tan. Hẳn thế, những mâu thuẫn ấy có hiệu dụng trong cái thể giới tương quan, nhưng khi nói đến thực tại, đến những sự vật trong thực trạng của chúng chứ không phải theo trí tưởng tượng của chúng ta, thì chúng nó thành ra vô hiệu lực. Thế mà đối với Thuyền-sư bao giờ cũng là vấn đề thực tại cả.

Vậy đâu là cái chân-lý của Thuyền-Tôn, quá bí mật ngoài mọi tầm hiểu biết? Cái tánh vô sở bắt tại khó thấy của nó ở đâu?

*«Tuyết Đông — hoa Xuân*

*gió Hè — trăng Thu*

*Trí thành thời không tưởng tượng*

*Mỗi mùa người được vui sướng.»*

(Ấu-môn)

Quốc-Anh

(trích dịch *Présence du Bouddhisme*)





## QUÁN - THẾ - ÂM

**N**HỚ thuở ấy  
 Hà sa kiếp kiếp, kiếp kiếp  
 hà sa Bồ-Tát đi ra quán thâu  
 tam giới.

Đã nghe lắng tiếng trần từ  
 vô-thuỷ, đã dôi theo tiếng ấy dôi  
 về đâu, đêm đêm đêm Bồ-Tát  
 cái bên đầu nghe thắm thắm  
 tiếng hồn sáu xứ xứ.

Vang vang dội dội lắng lắng  
 Ba-Ngàn, lắng vào thế gian  
 lắng ra gian thế.

Không... không... diệt... diệt...  
 tai lắng trùng trùng từ không

đến không đến KHÔNG —  
 KHÔNG-ĐỂ.

Trong Thanh-Tịnh

• Chẳng có gì

Không còn mê

Mà cũng không có ngộ

Nghe tam giới nghe vòng ra  
 tam thế suốt Hư Không Bồ Tát  
 một mình nghe.

Chẳng có gì

Không còn mê

Mà cũng không có ngộ.

Mà nếu có

Thì không bao giờ hết  
Nghiệp đã sinh thì nghiệp sẽ  
về đâu?

Tiểu khóc âm nhai, tiếng  
khóc tiên lâu, trên thiên ý  
dưới ngục sáu nga quý.

Cái gì mất khi đã sinh, cái  
gì không khi đã có?

Một, tất cả — cả Ba-Ngàn,  
trong cánh lau kết tổng tướng.

Đà-la-vông hằng hà châu,  
trong một châu ánh triệu lớp.

Diệt một lớp còn hằng hà đặng  
trông ra trong Đà-la có đâu thoát.

Cầm lưới nhện đoạt luân hồi,  
Tám quán soi hóa Không-Hải.

Nhận lấy huyễn, nghiệp vào  
thân mà phân thân khắp tam thế.  
Tiếng gầm xé từ đâu ra, Chú  
phát ra nuốt Hoàn Vũ.

Một chú đừ, đừ Ba-ngàn,  
Chú mệnh mang ánh vạn sắc.

Chú phát

Từ đâu

Thăm Sáu

Tám Để

Xuất từ rốn của Ba-Ngàn

Thế-Giới, xuất trong găm muôn  
trượng của Thời-Gian.

Cả Ba-Ngàn

Trong chớp nhòng

Rút trong Chú Một.

Ánh vạn sắc đóa Bảo Châu

một sắc

Chú bao tàng lớp lớp triệu  
như-lai.

Cao, rộng, vẫn, dài trong ruột

Chú nhỏ như Sa-điểm.

Quay lại trông đường

Khởi từ vô thủy

Ly rời ly, ly mãi chẳng  
còn ly.

Không có gì, không cả

CÁI-KHỔNG-GỈ, thuyền  
quá hải vất thuyền đi

— Chú Một.

Đêm khuya canh gà, trẻ  
thơ xóm nhỏ, ai xa kia nghe lắng  
giữa đêm thâu.

Ai thức năm canh, giấc  
ngủ, an lành, Quán-Tự-Tại  
lắng âm thanh kiếp kiếp.

Kỷ niệm Khánh-dân Bồ-Tát  
Quán-Thế-ÂM 19-2 C.T.  
THẠCH-TRUNG GI Ầ

# CÚLAKAMMAVIBHANGASUTUA

## Kinh tiêu phân biệt các nghiệp

(Tập Majjhima Nikàya : !!, trang 202-206)

*(Nghiệp báo là một vấn đề rất quan-trọng trong đạo Phật nên tôi sẽ tiếp tục lược thuật hai bản Kinh trong tập Majjhima Nikàya về nghiệp báo để các độc-giả có thể nghiên cứu kỹ và tìm thêm tài liệu)*

THÍCH MINH-CHÂU

« **M**ỘT thời đức Phật ở tại Sāvathī (Xá vệ), Jetavana (thắng lâm), tại vườn của ông Anāthapindikā (cấp cô độc). Lúc bấy giờ một thanh-niên tên là Subho con ông Todeyya (subho māvavo To deyyaputto : oanh vũ ma nạp tu đề tử) đến yết kiến đức Phật, vấn an kính chào xong liền ngồi một bên. Ông Subho con ông To deyya hỏi đức Thế tôn rằng: « Này bạn Gotama, vì nhơn gì, vì duyên gì mà trong loài người, có hạng người hạ tiện, có hạng người cao sang ? Này bạn Gotama, có người đoản mạng, có người sống lâu ; có người nhiều bệnh tật, có người ít bệnh tật ; có

người hình dáng thô xấu, có người hình dáng đẹp đẽ ; có người ít oai đức, có người nhiều oai đức ; có người ít tiền của, có người nhiều tiền của ; có người sanh trong gia đình hạ tiện, có người sanh trong gia-đình cao sang ; có người ác trí-huệ, có người có đại trí-huệ. Này bạn Gotama, vì nhơn gì, vì duyên gì mà trong loài người lại có hạng người hạ tiện, có hạng người cao sang như vậy ».

Đức Phật trả lời : « Chúng sanh là chủ của nghiệp là thừa tự của nghiệp ; nghiệp là báo thai phát sanh, nghiệp là thân thích, nghiệp là chỗ

y-cử. Chính nghiệp chia chúng sanh thành có hạng người hạ thiện có hạng người cao sang».

Lời giảng quá vắn tắt của đức Phật không được thanh niên Subho hiểu rõ nên ông thỉnh đức Phật giảng rộng ra cho dễ hiểu Đức Phật giảng tiếp.

« Có hạng người, nam hoặc nữ sát sanh, độc ác với bàn tay dẫm máu, tra sát hại, không có từ tâm đối với chúng sanh. Do nghiệp này thành tựu đến chỗ cứu cánh, lúc thân hoại mạng chung chúng sẽ thác sanh vào các ác xứ, vào địa ngục. Nếu chúng khi thân hoại mạng chung không sanh vào các ác xứ, vào địa-ngục, nếu chúng sanh làm loài người, chỗ nào chúng sanh ra chúng sanh sẽ chết yểu, đoản mạng. Con đường đưa đến đoản mạng chính là sát sanh, độc ác, với bàn tay dẫm máu, tra sát hại, không có từ tâm đối với chúng sanh.

« Có hạng người, nam hoặc nữ ly sát, đoạn sát, quăng bỏ gậy và dao biết tâm quý, có từ tâm giúp ích toàn thể chúng sanh, các loại hữu tình. Do nghiệp này thành tựu, đến chỗ cứu cánh, lúc thân hoại mạng chung chúng sẽ sanh vào các thiện xứ vào các cõi trời. Nếu

khi thân hoại mạng chung, chúng không sanh vào các thiện xứ, vào các cõi trời, nếu chúng sanh làm loài người, chỗ nào chúng sanh ra, chúng sẽ sống lâu. Con đường đưa đến sống lâu chính là ly sát, đoạn sát, quăng bỏ gậy và dao, biết tâm quý, có từ tâm giúp ích toàn thể chúng sanh các loại hữu tình.

« Có hạng người, hoặc nam hoặc nữ xúc nhiều chúng sanh với bàn tay, với cục đất, với gậy hoặc với dao. Do nghiệp này thành tựu, đến chỗ cứu cánh, lúc thân hoại mạng chung... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra, chúng sẽ bị nhiều tật bệnh. Con đường đưa đến nhiều tật bệnh chính là xúc nhiều chúng sanh với bàn tay, với cục đất với gậy hoặc với dao.

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ không xúc nhiều chúng sanh với bàn tay, với cục đất, với gậy hoặc với dao. Do nghiệp này thành tựu đến chỗ cứu cánh... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra, chúng sẽ bị ít tật bệnh. Con đường đưa đến ít tật bệnh chính là không xúc nhiều chúng sanh

với bàn tay, với cục đất, với gậy hoặc với dao.

« Có hạng người, hoặc nam hoặc nữ, tánh sân hận, nhiều sầu não, hơi nói động đến liền phật ý, giận dữ, bất bình, chống báng, sanh nộ, sanh sân, sanh bất mãn. Do nghiệp này thành tựu... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ có hình dáng thô xấu. Con đường đưa đến hình dáng thô xấu chính là sân hận, nhiều sầu não, hơi nói động đến liền phật ý, giận dữ, bất bình, chống báng, sanh nộ, sanh sân, sanh bất mãn ».

« Có hạng người, hoặc nam hoặc nữ, tánh không sân hận, không nhiều sầu não, tuy nói động đến nhiều nhưng không phật ý, không giận dữ, không bất bình, không chống báng, không sanh nộ, không sân, không bất mãn. Do nghiệp này thành tựu... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ có hình dáng đẹp đẽ. Con đường đưa đến hình dáng đẹp đẽ, chính là không sân hận không nhiều sầu não, tuy nói động đến nhiều nhưng không phật ý, không giận dữ, không bất bình, không chống báng, không

sanh nộ, không sân, không bất mãn.

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ hay tật đố, thấy người khác được tiền của, cung kính, tôn trọng, kính lễ cúng dường liền sanh ganh tương, tị nạnh, tật đố. Do nghiệp này thành tựu... (như trên) chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ ít có oai đức. Con đường đưa đến ít có oai đức là tật đố, thấy người khác được tiền của, cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, liền sanh ganh tương, tị nạnh, tật đố.

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ không hay tật đố, thấy người khác được tiền của, cung kính, tôn trọng, kính lễ cúng dường, không sanh ganh tương, tị nạnh, tật đố. Do nghiệp này thành tựu... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ có nhiều oai đức. Con đường đưa đến nhiều oai đức là không tật đố, thấy người khác được tiền của, cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường mà không sanh ghen tương, tị nạnh, tật đố.

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ không bỏ thí cho vị sa

môn hoặc cho bà-la-môn, thức ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương hoa, chỗ ở, đèn thắp. Do nghiệp này thành trụ... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng có ít tiền của. Con đường đưa đến có ít tiền của là không bố thí cho sa-môn hoặc cho Bà-la-môn, thức ăn vật uống vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương hoa, chỗ ở đèn thắp.

« Có hạng người, hoặc nam hoặc nữ, bố thí cho sa-môn hoặc cho bà-la-môn thức ăn vật uống, vải mặc xe cộ, vòng hoa, hương hoa, chỗ ở đèn thắp. Do nghiệp này thành trụ... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng có nhiều tiền của. Con đường đưa đến nhiều tiền của là bố thí cho sa-môn hoặc cho bà-la-môn, thức ăn vật uống vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương hoa, chỗ ở và đèn thắp.

« Có hạng người, hoặc nam hoặc nữ, kiêu ngạo, đại mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không nhường chỗ ngồi cho người đáng nhường chỗ ngồi, không nhường đường đi cho người đáng được nhường đường đi, không cung kính những người đáng cung kính, không tôn trọng những người

đáng tôn trọng, không kính lễ những người đáng kính lễ, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp này thành trụ... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra, chúng sẽ sanh trong các gia-đình hạ tiện. Con đường đưa đến các gia-đình hạ tiện là kiêu ngạo, đại mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không nhường chỗ ngồi cho người đáng nhường chỗ ngồi, không nhường đường đi cho người đáng được nhường đường đi, không cung kính những người đáng cung kính, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không kính lễ những người đáng kính lễ, không cúng dường những người đáng cúng dường.

Có hạng người hoặc nam hoặc nữ không kiêu ngạo không đại mạn, đánh lễ những người đáng đánh lễ (như trên bỏ chữ không)... chúng sẽ sanh trong các gia-đình cao quý. Con đường đưa đến các gia-đình cao quý là không kiêu ngạo đại mạn. (như trên, bỏ chữ không)... cúng dường những người đáng cúng dường.

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ đến gặp sa-môn hay bà-la-môn mà không hỏi :

« Bạch Đại Đức thế nào là thiện ?, Thế nào là ác ? Thế nào là tội, thế nào là không tội ? Những gì nên làm, những gì không nên làm ? Những hành động gì khiến tôi không được an ổn, bị đau khổ trong lâu ngày ? Những hành động gì khiến tôi được an ổn, hạnh phúc trong lâu ngày ». Do nghiệp này thành tựu... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ có ác tri huệ. Con đường đưa đến ác tri huệ là đến gặp sa-môn hoặc bà-la-môn mà không hỏi: « ... (như trên)... được an ổn, hạnh phúc trong lâu ngày ? »,

« Có hạng người hoặc nam hoặc nữ đến gặp Sa-môn hay Bà-la-môn mà có hỏi: « Bạch Đại Đức, thế nào là thiện ?... (như trên)... trong lâu ngày ? » Do nghiệp này thành tựu... (như trên)... chỗ nào chúng sanh ra chúng sẽ được đại tri-huệ. Con đường đưa đến đại tri huệ là khi gặp Sa-môn hoặc Bà-la-môn liền có có hỏi... (như trên)... trong lâu ngày ».

« Nay, anh thanh-niên, tạo những nghiệp đưa đến đoạn mạng tất thọ quả báo đoạn mạng; tạo những nghiệp đưa đến sống lâu tất thọ quả báo sống lâu; tạo những nghiệp

đưa đến nhiều bệnh tật tất thọ quả báo nhiều bệnh tật; tạo những nghiệp đưa đến ít bệnh tật tất thọ quả báo ít bệnh tật; tạo những nghiệp đưa đến hình dáng thô xấu tất thọ quả báo hình dáng thô xấu; tạo những nghiệp đưa đến hình dáng đẹp đẽ tất thọ quả báo hình dáng đẹp đẽ; tạo những nghiệp đưa đến ít oai-đức tất thọ quả báo ít oai đức; tạo những nghiệp đưa đến nhiều oai đức tất thọ quả báo nhiều oai-đức; tạo những nghiệp đưa đến ít tiền của tất thọ quả báo ít tiền của; tạo những nghiệp đưa đến nhiều tiền của tất thọ quả báo nhiều tiền của; tạo những nghiệp đưa đến các gia-đình hạ tiện tất thọ quả báo các gia-đình hạ tiện; tạo những nghiệp đưa đến các gia-đình cao sang tất thọ quả báo các gia-đình cao sang; tạo những nghiệp đưa đến ác tri-huệ tất thọ quả báo ác tri-huệ; tạo những nghiệp đưa đến đại tri-huệ tất thọ quả báo đại tri-huệ ».

« Nay thanh-niên, chúng sanh là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp; nghiệp là bào thai phát sanh, nghiệp là thân-thích nghiệp là chỗ y-cứ. Chính nghiệp đưa chúng sanh thành có hạng người hạ tiện có hạng người cao sang ».



# NGƯỜI PHU XE CỤ

TÂM - XUYÊN

**D**ƯỢC tin đồn về dạy ở Chu-văn-An, Lãng thuê ngay một căn gác ở ngoại ô châu thành Sài gòn. Chỗ này cách trường cũng khá xa, nhưng Lãng mến cái cảnh tương đối yên tĩnh của nó. Ở đây có những hàng cỏ thụ sẫm uất chạy dài hai bên con đường vắng và hẹp, mà những ngọn đèn điện không quá rực rỡ để lấn át cả mảnh trăng rằm duyên dáng. Vào những đêm rằm, vầng trăng nguyên cũng e lệ thập thò trong kẽ lá, tuy không đủ đậm đà bằng vầng trăng Huế, không nào nùng « Liều-Trai » như vầng trăng dâm sương Đà-lạt, cố nhiên,

— nhưng nó còn gọi cho Lãng một chút gì là hồn của thiên nhiên. Chả bù với cửa gác trọ chàng thuê ở Chợ-lớn, đứng trơ ra giữa đường cái chằng chịt xe cộ, và tối đến thì nội một ánh đèn ngủ sắc của nó cũng đủ làm cho chàng nhức óc.

Nhà Lãng ở đối diện với một xưởng làm đồ gỗ. Tiếng đẽo đục chất chứa chỉ vang lại từ nhà sau, và bàn ghế sơn véc-ni thì bày ngổn ngang ở chiếc sân rộng bên cạnh, còn nguyên gian gác hai tầng vẫn giữ cốt cách sang trọng phong lưu. Nhà dưới luôn đóng kín, chỉ chừa một lối vào nhỏ hẹp. Trước ngõ,



vườn lên một cây me cao lớn mà ròm lá rủ xuống che rợp cả một không gian hành lang trên gác. Nơi ấy Lăng đoán là chỗ đặt chiếc dương cầm. Cứ chiều chiều ra hóng mát ở lan can, Lăng lại được nghe tiếng đàn thánh thót trong ròm lá bản « Réverie »

*Ce soir, dans le jardin du ciel  
Les étoiles ont fleuri comme un  
bouquet d'argent*

*Ce soir, rien ne paraît réel*

*Et mon beau rêve suit comme  
une feuille au vent... (1)*

Lăng thổi sáo miệng họa theo, và qua âm thanh ấy, một mảnh đời quá khứ sống dậy trong tâm hồn chàng với đầy đủ cung bậc. Chàng nhớ lại hồi ở quê nhà, cũng bản nhạc ấy Lăng cùng các bạn hòa vĩ cầm trong mảnh vườn chuối vào những đêm tràn ngập ánh trăng.

Cuộc sống bình lặng trong gian nhà đối diện khiến Lăng liên tưởng đến những nếp sống của những gia đình qui phái miền Trung. Họ chỉ sống ở trên gác. Hình ảnh quen thuộc nhất Lăng thường thấy xuất hiện ở cánh cửa con

là một ông già và một « cậu » berger, và hành động đầu tiên của ông làm chàng chú ý.

Hôm ấy cũng như lệ thường, Lăng ra đứng hóng gió chiều ở hành lang. Đường phố vắng khách bộ hành. Một anh phu xích lô uể oải đạp xe không đi qua trước nhà bán đồ gỗ, và Lăng thấy ông già từ trong cánh cửa tiến ra gọi xe. Lăng ngạc nhiên thấy ông ta không lên xe đi, mà cả hai người phu xe và khách cùng vào ngồi đàm đạo dưới hiên nhà, có vẻ tri kỷ. Ông rút từ túi áo bà ba lượm một số bạc tặng anh xe trước khi chia tay. Từ đấy Lăng lại được chứng kiến cảnh tương tự cách ba bốn hôm, vào những lúc trời chiều, đường vắng và phu xe ế khách. Có hôm gặp người phu xe rách rưới, ông ta lại mang tặng cả một gói mà Lăng đoán là quần áo. Cứ chỉ cao cả ấy khiến

---

Tạm dịch :

Đêm nay trong vườn thiên giới  
Những vì sao đã tuôn nở như  
một chòm hoa bạc.

Đêm nay, tất cả đều mơ hồ  
Và mộng đẹp trốn đi như lá  
vàng trong gió thoảng...

Lăng có thiện cảm ngay với ông già có lẽ là chủ nhân xưởng gỗ. Lăng xuống đường, định làm quen. Ông đang đi bách bộ trên khoảng lề hẹp bên kia đường, Lăng cũng sang bên ấy, và lấy một bộ mặt khả ái, chàng hỏi làm quen bằng một giọng Nam lơ lớ :

— Thưa cụ, cụ đi dạo mát?

Ông mỉm cười và đáp với giọng lơ lớ như giọng Quảng?

— Vâng, cậu ở đâu đây?

— Tôi vừa dọn đến. Ở con đường này thật là yên tĩnh. Lăng còn cho ông ta biết chàng được dời về dạy ở Chu-văn-An, trước kia chàng ở Chợ-lớn. Câu chuyện bắt đầu thân mật thì bỗng con chó của ông chạy ra đường cái. Ông đồng dục kêu :

— Chó ! đi vô !

Lăng vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ :

— Ô Té ra cụ... người Huế?

Ông già cũng ngạc nhiên :

— Ủa, cậu cũng người trung. Hèn chi nói tiếng Sài Gòn lá lạ. Cậu vào đây bao lâu

— Dạ, chừng năm năm. Thế còn cụ? Có lẽ cụ ở đã lâu?

— Phải! Tôi theo con tôi vào đây đã trên mười năm rồi, cậu ở vùng nào ở Huế

— Dạ, Bến nư.

— Ủa! Cậu có biết cụ Giác ở đây không?

— Dạ cháu là con trai út của thầy cháu, thưa cụ.

Ông cụ « a! » một tiếng cảm động rồi ghi chặt lấy hai vai chàng trong đôi bàn tay cần cỗi :

— Cậu ơi! Lại đây, ta ngồi trước hiên nhà nói chuyện.

Ông kéo chàng ngồi xuống thêm xi măng :

— Cậu là cậu Tô phải không?

— Dạ phải làm sao cụ biết được ạ?

— Hai cụ nhà vẫn mạnh?

— Dạ mẹ cháu vẫn mạnh, còn thầy cháu mất đã ba năm rồi. Ông già chặt lưỡi :

— Tội nghiệp! Tôi đã từng kéo xe nhà cụ một dạo, hồi cậu chưa đẻ.

Lăng ngạc nhiên và cũng chợt hiểu, cố tìm trong trí nhớ.

— Tôi là Hai Bích đây.

— Ông Hai Bích!

— Phải! Cậu quên là phải, trên mười năm rồi còn gì. Từ độ cụ nhà đòi về Quảng-diền, tôi chẳng hề gặp lại.

Ồ! Mẹ tôi tìm ông.. tìm cụ mãi đề... trả tiền chuyển xe về Quảng-diền năm nọ. Mới đó mà đã trên mười năm rồi. Mãi cho đến năm ngoái, mẹ cháu vẫn còn nhắc đến món nợ ấy và cứ ân hận mãi.

— Có gì đâu, cậu! Tôi cũng cố giúp công một ít gọi là đền đáp phần nào ơn hai cụ. Tội nghiệp, tôi còn nhớ hôm ấy cụ bà ngắt đi... Hôm ấy là ngày cuối cùng tôi kéo xe đấy, cậu ạ. Dĩ vãng vụt hiện về trong ký ức Lãng. Hồi ấy Sơn, anh chàng mới mười hai tuổi chết ở bệnh viện Huế, và xác phải đưa về nhà ở tận Quảng-diền, chiếc xe tay chở Sơn do Hai Bích kéo đi từ đầu hôm đến mờ sáng mới đến nơi. Trong lúc tang gia bối rối mẹ chàng quên bằng việc trả tiền xe, khi sực nhớ lại thì Hai Bích đã biến đâu mất.

Cảm động vì tính cao thượng của người tớ cũ, mẹ chàng định đền đáp một cách xứng đáng, nhưng Hai Bích vẫn biệt tăm... Lãng lại nhớ đến hồi cùng Sơn đi học ở Bến ngr. Nhà chàng ở cạnh hãng cho thuê xe tay, Hai Bích mượn xe ở đấy thường chở giúp hai anh em chàng đi học khi thuận đường. Có những hôm bãi học buổi trưa Lãng thấy Hai Bích chạy xe không rất mau trên đường đá gồ ghề đề kịp giờ trả xe cho chủ vì hề quá giờ, phu xe sẽ bị phạt tiền. Những lúc ấy thường hai anh em được Hai Bích mời lên ngồi « đề cho đằm xe, dễ chạy » Xuống những đường giốc, Hai Bích chạy như bay biển. Xe vấp phải những đá sỏi, dệm xe nhảy lên nhảy xuống khiến hai anh em phải niu chặt lấy những cong sắt đề khỏi văng ra ngoài, cảm thấy thích thú như được cưỡi ngựa.

— Này cậu, tôi nhớ cậu còn có một người anh hay em gần bằng cậu ấy thì phải?

— Vàng ạ. Anh cháu mất, chính cụ đưa xác về Quảng-diền ấy mà.

— À phải tôi nhớ rồi ! Tôi thường chạy xe cho hai cậu. Có dạo chỉ một cậu đi học, tôi cũng chạy xe về rồi xuống dốc bị té nặng, phải nằm nhà thương... có phải cậu không ?

— Dạ không, anh cháu đấy. Cụ kể tiếp cho nghe.

Lãng đã quên bằng đoạn ấy và cảm động nghe Hai Bích kể tiếp :

— Càng xe gãy, tôi bị lỗi đầu còn cậu hai may chỉ bị thương nhẹ. Tội nghiệp, cụ nhà đã không bắt đền thì chớ còn giúp cho tiền chữa xe và mua thuốc men. Cậu tỉnh, ở cảnh nghèo cực như tôi lúc ấy nếu không có cụ giúp thì còn đâu đến bây giờ. Hồi trước người ta khắc nghiệt với hạng lao-dộng lắm, cậu ạ. Tôi nghĩ nếu không gặp người hiền đức như hai cụ nhà thì tôi cũng đến vào khám chứ chẳng chơi.

Ngày một lát Hai Bích lại tiếp :

— Có từng lâm vào cảnh khó mới biết thương kẻ nghèo cậu ạ. Tội nghiệp, phu xe

xích lò đập ở đây ế ẩm lắm. Có người nói với tôi họ chỉ còn được vài chục mỗi ngày sau khi trả tiền thuế, cậu nghĩ có thâm không ?

— Vàng ? nghề xích lò đập ở đây khổ thật.

— Ấy tôi đã từng ở cảnh như họ. Nhưng tôi cứ nghĩ : mình lương thiện rồi thì cũng có ngày khá. Mà quả thật, mấy đứa con tôi cho ăn đi học trong cảnh túng thiếu bây giờ đều làm nên. Tôi lại gặp được người rể tốt và khá giả, hai vợ chồng mời tôi vào đây để nghỉ ngơi tuổi già.

Hai Bích nói đến đây thì một cô bé hiện ra từ khung cửa nhỏ và lễ phép nói với ông :

— Thưa ngoại mời thầy hai vào xơi nước.

Ông vội vàng đứng dậy :

— Ấy, mãi nói chuyện tôi quên không mời cậu vào trong này vào đây đã, cậu !

Lãng theo ông Hai vào phòng khách.

Quý hóa quá ở quê người lại gặp được người thân như

cậu, thật tôi không ngờ đến cậu ạ. Cậu còn nhỏ không biết, chứ hồi xưa tôi là người hầu hạ chân tay của cụ cố ở nhà, cậu kêu bằng ông ngoại ấy.

Lãng ngạc nhiên :

Ồ! Thế ra cụ biết cả ông ngoại cháu?

— Tôi ở hầu cụ cố từ hồi còn là thanh niên kia, cậu ạ chính cụ cố đã tác thành cho tôi, mà cái phần tình thần của tôi cũng là nhờ ảnh hưởng cụ cố. Tuy nghèo cực mặt lòng chứ tôi không hề lấy tiền tài làm trọng, cậu ạ. Tôi gần gũi cụ cố, thấy nhân đức của cụ tôi sinh cảm mến như một bậc cha mẹ, rồi dần dần tôi cũng được lây. Chà! cậu không biết cụ cố hồi xưa đức độ chẳng ai bì kịp, hèn chi con cháu về sau được hưởng lộc là phải, tôi còn nhớ hồi ấy có mẹ đàn bà có mang bắt ghế hái trộm bầu của cụ, cụ can lính không được chạy ra vì sợ mẹ ta hốt hoảng

bị té, rồi cụ còn cho tiền mua ruốc nấu canh và dạy bảo cho nó dứt nghề trộm cắp. Thật tôi chưa hề thấy ai như cụ cố, làm quan to mà nghèo xơ cậu ạ. Có bao nhiêu tiền, cụ cố đều mua thuốc men rồi cứ ai nghèo bệnh là cụ vác ó đi chữa thí. Linh hầu của vua ban, cụ cố chẳng hề sai việc chi nặng nhẹ. Có lần đi coi họ gánh đá xây tường, gánh nào cụ cũng bớt xuống kéo sợ nặng! Cậu ơi, những việc nhỏ mọn ấy góp lại cũng đủ làm cho đức độ của cụ cố thành ra vô lượng. Đám ma cụ, ăn mày đi đưa từng lũ đầy đường, khóc như cha chết.

Lãng cảm động nghe ông Hai Bích kể rành mạch những giai thoại về ông mình. Hai Bích lại tiếp :

— Tuổi thanh niên dễ uốn nắn lắm cậu ạ, hay vì tôi có tiền duyên gì với cụ cố không biết. Cụ cố dạy bảo tôi từ những việc vụn vặt mà tôi vì thương kính cụ

nên đều khắc cốt minh tâm. Cơm rau đủ sống thì thôi, không hề bị lung lạc trong cảnh nghèo.

Đưa cháu ngoại nhỏ của Hai Bích đến và vào lòng ông. Ông hạ thấp giọng nói với Lăng:

— Mẹ nó, tôi bán con nuôi từ hồi còn nhỏ, đến khi thành gia thất mới về đem tôi vào trong này.

Lăng nhìn đứa bé thăm thẳm: « Quân tử va nhớ ơn lâu như ông Hai Bích, được hưởng

của tốt thật là xứng đáng ».

Chàng đứng dậy cáo từ.

Ông Hai ân cần dặn Lăng hôm khác lại sang nói chuyện chơi. Ông ghi lấy vai Lăng khi tiễn chàng ra lẽ đường.

— Chà mới là cậu Tô ngồi xe tay dó mà bây giờ đã ra thể này! Lăng mỉm cười từ giả ông để qua bên kia đường và còn dặn với:

— Chiều mai tôi lại sang cụ ạ!

— Vàng! Thế thì còn gì bằng!

TÂM-XUYỀN

## ĐÍNH CHÍNH

*Trong Tập Kỳ-Yếu Đại-Hội Phật-Giáo toàn quốc kỳ thứ III có những sơ suất như sau:*

Trang	Cột	Dòng	In Sai	Sửa Lại
6		1	Phật đài	Phật đài
—		2	Chiêm b í	Chiêm bái
—		5	Việt năm muôn năm	Việt-Nam muôn năm
14	2	6	Hoặc gửi về	Hoặc gửi thư về
15	2	10	THÍNH-TRÍ THỦ	THÍCH TRÍ-THỦ
24	1	6	Của ngành	Của ngành
34	1	10	Vị hiệu biết	Vị hiệu biết
37	2	17	Đầu có	Đầu có
49	1	9	Lịch sử	Lịch-sử
51		10	Độp tác	Độp tác

Và danh hiệu của một vài vị trong Ban Quản-Trị Trung-Ương cũng bị sắp sai:

### IN SAI

— Cư-Si Tâm-Minh

VŨ-BẢO VINH

Kiểm-lý ngân sách

— Cư-Si Viện-Trạm

NGUYỄN-VĂN-HOANH

Chương-Quy

### SỬA LẠI

— Cư-Si Viên-Trạm

VŨ-BẢO-VINH

Kiểm-lý ngân sách

— Cư-Si Huệ-Minh

NGUYỄN-VĂN-HOANH

Chương-Quy

Vậy chúng tôi có lời cáo lỗi cùng quý vị độc-giả.

BAN BIÊN TẬP

29

# THƯ GỬI BẠN

CỦA NGUYỄN THÁI

Đức, tháng 2/1960

Bạn,

**T**ÔI muốn kể cho bạn nghe câu chuyện nhỏ vừa sống qua: tôi có anh bạn ngoại quốc thuê căn phòng trọ với giá chừng 600 đồng V N một tháng (riêng tiền phòng) ban đêm anh phải đốt lò sưởi điện nhỏ để làm việc, khoảng chừng mười giờ đêm người chủ nhà khóa điện lại, thế là anh bạn không còn ánh sáng, không còn điện để sưởi! Nên nhớ trời mùa đông ở Âu-châu lạnh lắm như hiện chúng tôi đang sống qua những ngày lạnh 10 độ dưới số 0 và tuyết rơi tằm tã trắng phau, thường các phòng trọ đều có lò sưởi, duy những phòng rẻ tiền cho các người nghèo là không sưởi.

Riêng cũng có căn phòng sát ngói ở tầng lầu thứ năm, mùa lạnh thì rét buốt và mùa hè nóng bầy người. Phòng rộng không quá mỗi bề 3 thước

rưỡi. Mái ngói chắn xuống ăn mất rất nhiều lối đi, cửa sổ là hai mảng nhỏ lộ thiên trên đầu. Gặp khi trời tốt, thò đầu qua mái ngói nhìn các chòm nhà ngang dọc của thành phố, nhìn cái lặng yên của thị-xã với trời cao bát ngát, rồi thụt trở vào như con dế trở về hang ngàn tiếng hát dài trong đêm sâu thâu thăm thẳm. Phòng không sưởi phải trả một giá đắt như trên. Vào đầu tháng mùa đông ông chủ nhà bắt trả thêm tiền khá nhiều nếu muốn dùng điện để sưởi. Tôi ôn tồn bảo ông ta rằng: « Ông tính xem, chúng tôi còn có gì nữa trong số tiền 600 đồng trả cho ông, bốn bức tường và mái ngói chắn xéo căn-phong, rác rến phải tự làm lấy, chần nệm phải tự sắm lấy, giặt lấy, nếu ông còn đòi thêm tiền điện thì còn gì nữa đâu, ông nên nghĩ lại... » Thú thật với bạn ông đã làm tôi ngạc nhiên và buồn quá

đòi lúc ông trả lời rằng : « Nếu ông không muốn thì đi kiếm phòng khác, tôi đã giao điều kiện rồi, phòng trống không có người dọn dẹp, không mền nệm, không sưởi ! Tôi rất mừng nếu người thuê nhà bỏ ra đi, vì tôi sẽ có được khách mới trả đắt gấp đôi. Với tôi là nhà buôn bán, chỉ có tiền và tiền thôi, tôi không cần bận tâm nghĩ ngợi gì cả. Xã hội này mỗi người đều ích kỷ, không ai nghĩ cho ai đâu ! ».

Tôi phản trần qua loa, nói cho ông biết rằng xã - hội không toàn xấu cả đâu vì còn có những người rất tốt rất thánh thiện. Ông ta có vẻ thịnh nộ và đáp rằng : « Bộ ông tưởng tôi ngu lắm sao mà đem tiền cho kẻ khác ? » Tôi trả lời : « Điều đó chỉ có ông biết lấy ! » rồi tôi trả đủ tiền và cáo từ, lòng buồn bã thối mả mất mấy ngày.

Một người có một gia-sản khá to — một dãy nhà đồ-sộ cho thuê và một hãng buôn lớn — vẫn nở tẻ xử với đồng loại từng xu một. Nhân-từ cũng không còn trên lời nói !

Thực điều đó xáo trộn tâm hồn quá chừng. Lần đầu tiên

trong đời nghe được một người nói rằng : tôi không cần phải nghĩ ngợi gì cả, chỉ có tiền và tiền !

Tuy nhiên tôi vẫn có tí lòng khâm phục ông ta : Dám nói cái gì mình nghĩ, điều mà ai ai cũng cho là bần xỉn thì mình xem như một quý tính. Còn có bao nhiêu kẻ miệng nói tốt đẹp mà lòng cư xử không hơn gì thế.

Nghĩ ngợi đã lâu, nay có dịp nghĩ ngợi thêm nhiều. Sống giữa cuộc đời chỉ tràn đầy căm dỗ, đe dọa, bẻ phái, sa lầy, số phận chúng ta thực thâm thương quá. Nếu không cố thoát, tìm lối, mở đường vọng về nẻo sáng thì e chẳng mấy chốc chết mòn theo thế cuộc !

Chúng ta hiện đang bị vẩn vù bởi những tư tưởng chiến-tranh, thù ghét, bẻ phái, bởi những kích động của thú tính qua báo chí, màn ảnh, bởi những căm dỗ một thời về danh từ, mua chuộc, tham lam. Tuổi trẻ đang lên là sức sống rất đầy, chỉ cần một lời cảm kích là tuôn trào bất tận. Phải làm sao đây để khỏi lăn vùi vào muôn phong trào đ ạt lợi dụng đã chôn vùi không biết bao



tài hoa trẻ đẹp ở nhiều biển  
cổ đã qua trong lịch sử loài  
người ?

Có một điều chiêm nghiệm  
mà mãi hoài tôi vẫn còn cũng  
cổ : Đạo đức phải trường-tồn  
và cứu chuộc cuộc đời. Như  
thế nghĩa là phải giữ vững,  
tổ bối, phải chấn hưng ngay  
đạo đức. Tuy nhiên đáng buồn  
là đôi khi tôn-giáo đẹp người  
theo đạo lại cuồng tin, tự cao,  
tự phụ để cho mọi ý-nghĩa  
yêu thương, giải-thoát ban  
đầu trở thành ác-cảm, riêng  
rẻ, chiến tranh và chết mòn  
trong cô lập. Tiếc quá !

Đạo đức không phải là  
những lời thuyết giáo khô  
khan, khuôn thước, khắc khe  
bởi nó là niềm tin nóng hổi,  
phong phú, vượt tiến trong  
thâm tâm. Mỗi chúng ta tin  
hay theo một niềm tin đẹp  
nhằm phần xây dựng con  
người trong chiều lên. Phải  
làm sao cho Đạo không còn  
là những lời nói, những giáo  
điều mà Đạo là sự thể-hiện.  
Đạo không phải chỉ có nghe  
và nhận, bởi Đạo là hiện-hữu  
và trở-trành, chỉ sống trong  
động-tác, thể-hiện và chết  
trong mù-quáng, giáo điều.

Đòi hỏi một nền Đạo để  
trấn ngự trên dốc xuống của  
xã-hội đang điều hành bằng  
máy chủ không bằng tấm  
lòng biết nghĩ, tức là chúng  
ta muốn đòi hỏi ở các hàng  
trưởng-thượng sự khoan hồng  
và trao phó, chúng ta muốn  
đòi hỏi ở các bạn trẻ một  
tấm lòng đoan-quyết dẫn thân.

Từ lâu tôi bàng khuâng  
mãi trong nỗi niềm cảm như  
bạn trẻ chúng ta bị xã-hội  
lơ là quá thể ! Cuộc sống quay  
cuồng và hỗn-tạp có trăm lời  
khêu gọi réo mời vào cuộc  
chơi, song đó đây quá ít ỏi  
những lời thăm-thỉ yêu thương,  
an ủi. Mỗi người tự lo cho  
minh, chẳng ai để mắt đến  
ai, chẳng ai cần xao xuyên  
cho ai, cười hay khóc chỉ còn  
là chút dư thừa của tình-cảm  
chứ không phải là cảm xúc  
tự thâm tâm vì yêu mến.

Đã đến lúc phải họp nhau  
lại, kết chặt hơn hệ-thống  
thành-trị đạo-đức. Các cơ-sở  
tân-mạn riêng tư phải họp  
đoàn và chung sức. Tái sinh  
trong hoạt-động, trưởng-thành  
theo nghĩa-cả !

Đâu đâu người ta cũng nói  
về huynh-đệ, bác-ái, bình-

đăng, v.v... nhưng sau khi thốt các lời đó xong, người ta liền kêu gọi lập bè, lập đảng và bắt đầu không huynh-đệ, không bác-ái, không bình-đẳng với những ai chẳng theo về bè mình! Thực con người cứ quanh quẩn trong nhiều mâu thuẫn buồn cười và thảm thiết. Phải làm sao đây nếu không là trọng vì mọi tín-ngưỡng bởi biết rằng dưới danh-từ này, dưới hình thức nọ, con người song hành trong một niềm Tin tốt đẹp là trở về với khoảng trời an-lạc, chân-như.

Riêng về những người thường nói đến từ-bi, chúng ta phải nghĩ ngợi rất nhiều về nghĩa chữ từ-bi đó. Kiên cử hết mọi sát sanh song có kiên cử cái niềm ác trong đầu không? Ta có từ-bi bằng lối xả-thân cho bất cứ con người nào khổn khó cạnh bên ta? Từ-bi trên ngưỡng chùa, trước điện Phật, trong giây phút tịnh-niệm chưa đủ vì phải từ-bi qua đều các hơi thở trong đời.

Nghĩa từ-bi cao đẹp quá, song xin đừng đề chiều đẹp đó lên cao mãi ở hư-không trái lại xin mang hết tính chất cao đẹp của nó trang trải

vào đời. Bát nước trong chi có nghĩa với thân cây khi bát nước ấy chịu tưới vào gốc. Còn khi chỉ để cạnh gốc cây, dù đựng trong một bát vàng hay ngọc thì mãi hoài bát nước chẳng có liên hệ, quý giá, ý nghĩa chi với đời sống của thân cây cả. Từ-bi không phải là đồ cổ tàng trữ nơi bảo-tàng-viện mà nó là một trái tim nóng hồi biết rung động, chuyển lưu máu nuôi toàn cơ-thể, cơ-thể đó là cuộc đời, sự nuôi nấng đó là cho vui, cứu khổ, phụng vụ, dâng hiến. Chẳng phải vì sợ địa ngục hay yêu thiên đàng, chẳng phải vì nghe lời của vị giáo chủ nào mà ta thực hiện từ-bi. Ta thực hiện lẽ đó vì ta biết cái thể quý báu của thân ta, cái thể tràn đầy, viên mãn, trong sáng, chân như và hình như mọi lẽ gì trong sáng, chân như đều không hề vương bụi mờ, cá biệt, hận thù. Vì thế mà ta biết yêu tất cả cuộc đời với tình yêu trong sạch, vô tư, cứu độ. Hạt ngọc trong suốt đẹp dễ bởi vì nó không phải là đá sỏi, bởi vì cái thể của nó là ngọc.

Chúng ta hãy tự bản xem phải làm gì để cung ứng với

hoàn cảnh xao động bên ngoài. Tôi cảm như sự kết nối về hành động của chúng ta còn rời rạc quá: một số người lo lắng thì miệt mài như đuổi chết ở công việc bề bộn, một số người không việc gì chẳng biết lấy việc chi để làm, thậm chí có người trở dạ thờ ơ, thù thù.

Một việc cấp bách là đào tạo thế-hệ bạn trẻ thắm n h n ã n từ-bi và khoan đại để dung

hòa trong bao nhiêu cuồng tín, khiêu khích, phá đổ lan tràn trong đời. Sự kiện đó tôi thiên nghĩ phải qua hai đợt phát động:

Một là đem chánh Pháp bình đẳng, hỷ xả trang trải vào đời, phản ứng sẽ là sự trở dậy của các tầng lớp hưởng trợ, khuếch xung một phong trào tu luyện, học hỏi, văn hóa, Song điều này muốn thực hiện phải cần đến điều thứ hai, tóm lại thì cả hai điều phải hỗ trợ nhau mà phát triển: Khi ta trách cứ các tầng lớp, nhất là tri thức,

không chịu khó đọc kinh sách, báo thì ta phải tự hỏi ta đã hệ-thống đầy đủ các sách báo khảo luận cho họ đọc chưa? Ta đã tạo những nhu cầu cần thiết cho họ tìm đến chưa? Ta đã thống kê được các tầng lớp, các nhu cầu để lo bề cung cấp chưa? Tạo một bầu không khí thân tình,

hưng khởi ban đầu là sự phải chú trọng trước tiên. Nếu hương hoa không dâng qua



song cửa buổi sáng thì chắc là tôi không có ý nghĩ tìm xem hương đến tự hướng nào và không có dự định rời phòng ra vườn xem hoa. Chắc có người sẽ bảo: tu học là điều phát xuất tự thâm tâm, con bệnh đau phải tự lo tìm thuốc. Nói thế chỉ đúng một phần nào song sợ e có phần chặt hẹp riêng tư. Thời đại này là lúc chúng ta phải mang thuốc đến cho con bệnh. Chúng ta thường sửa soạn chương trình và nói nhiều quá, song thực hành? Biết Đạo không phải chỉ qua vài sắc màu, tình cảm hời hợt

mà sự biến mình vào thể hiện, vào hành động, vào mọi đường lẫn lộn hy sinh hằng ngày một. Giáo lý tìm ra không phải để cho ta đọc hay ngâm nga mà chính để cho ta thực hành.

Có tình trạng đáng suy nghĩ nữa là một số thanh niên tri thức, lúc còn tuổi thiếu niên khẩn khít, trung thành phục vụ cho đoàn thể, Gia đình Phật tử, để lúc thành tài thì bỏ lơ mối liên hệ đó, nếu còn chẳng chỉ vì vài kỷ-niệm xa xôi nên giờ đây đeo đẳng chút liên lạc lỏng lẻo và thương hại. Chúng ta không nên trách họ vội bởi vì chúng ta chưa biết nguyên cớ tự đâu. Rất có thể là vì chúng ta đã bỏ họ lơ là, có đọc trên quảng đường đời dằng dằng nào khi họ chịu bao nhiêu biến đổi về sinh-lý, tinh-thần. Chúng ta có lòng từ-bi rất rộng lớn song đôi khi quá ư mờ nhạt, thiếu gần bó, thờ ơ và không kiên nhẫn. Ấy là chưa nói đến những thanh niên ra đời bằng trăm muôn khổn khó. Chúng ta nhìn đón lúc họ đến, song ngoảnh mặt lúc họ gục

đầu trong cơ hàn ở mọi chèo góc các ngõ đường. Chúng ta còn xa xăm quá với những sự nâng đỡ đáng phải làm ấy. Có lẽ vì thế mà chúng ta đã mất đi rất nhiều bạn trẻ tài hoa và tương lai!

Sẽ có người ứng đáp rằng : «Chỉ vì chúng ta thiếu «phương-tiện»! Song phương-tiện là cái gì? Là tấm lòng hay của cải? Tấm lòng ư? chúng ta hãy thử hỏi thăm tâm : của cải ư? chúng ta có nhiều lắm! Thử đếm trong đất nước chúng ta có bao nhiêu hội-viên và tất cả nghìn ấy của cải không thể lập một bệnh viện cho kẻ nghèo ư? không thể lập một khu nuôi trẻ nít mồ côi hay nghèo nàn ư? không thể cung cấp được một số học-bổng cho các sinh viên ưu tú chỉ vì hoàn-cảnh thời thức mà chịu dừng bước học vấn ư? Tôi chỉ xia một số tiền rất ít ỏi dư thừa của chừng mười gia-đình vào hạng trung lưu là có thể nuôi được một sinh-viên nghèo. Và người sinh-viên ấy sẽ là một bác-sĩ tận tâm trong đường đường tương

lai của kẻ nghèo, sẽ là một kỹ-sư tương lai trợ giúp hoặc bằng công tác, hoặc bằng của cải cho các việc thiện, sẽ là một nhà giáo nhân-tử cho khu trường kiểu mẫu ngày mai, hoặc sẽ là một nhà bác-học khảo cứu trong tinh thần từ-bi phục vụ nhân loại v.v... Nhân ban đầu nhỏ bé lắm, dễ thực hiện lắm, chỉ đòi hỏi một chút lòng, song quả ngày mai lợi ích và to tát vô cùng. Ta không làm là ta mất, như lúa giống không đem ra gieo sao lại đợi trông mùa và than vãn? Tất thấy đó chính là cuộc đời, là thế hệ tương lai mà ta chờ trao phó vốn quý của đạo-đức, là nơi ta phải hiến dâng và phụng vụ. Ngoại trừ ra chỉ là ích kỷ ngấm ngấm hay đạo-đức đã vô tâm.

Đề cho Phật-giáo nảy sinh trong cuộc đời là thế ấy. Nghĩa là đi sâu vào tận gốc, tận đầu giây mối dợ, trông nom, dòm ngó, cứu trợ ngay từng bước đi của từng con

người. Bởi chúng ta liên hệ đến nhau nhiều lắm.

Phương tiện có nhiều, chỉ chưa chịu dùng đó thôi! Nói như bạn Huyền-Nga ở số Liên-Hoa vừa rồi thực đúng: «Người ta có thể hăng hái chen chúc trước rạp xi-nê chật chội để lấy cho được một vé ba bốn chục bạc hay kêu đài một lô la-ve hảo hạng mà chẳng hề kêu ca, mà trả tiền báo Liên-Hoa năm thì khát khứa. Người ta có thể trầm trở ngẫm nghĩa một tờ báo xi-nê có các cô đào khỏa thân, song rất mệt nhọc nếu phải đọc một bài báo có tính cách văn hóa hay đạo đức». Các điều đó muốn hiểu có thể khoan dung hiểu được nhưng không thể hiểu được rằng con người chỉ đứng đứng ở trên mọi ham muốn xác-thịt là đủ, bởi còn có nhiều cái chi vô-hình đòi hỏi tinh thần chúng ta phải cố gắng vươn lên. Hãy bình vực và che chở cho các thương tình kia đi, người ta sẽ rõ lòng nhau ở cái giờ mà con

người nằm trên giường bệnh hay đứng bên bờ của đời thế giới sinh-tử. Cái giờ mà tôi tưởng rằng trong mắt họ sẽ không thể nào còn những tính kiêu mạn, ích kỷ, những hình ảnh của xác thịt, mà trái lại thấy đầy sự ham sống, sợ bệnh, sợ chết, bám víu vào mảnh hồn mỏng manh từng giây khắc cho đến lúc chịu bó tay thì tràn ngập lo âu, sợ hãi, tiếc nuối hay rầy rụa trong muôn dân vật của tâm thần... Giá trị của cả một đời người có lẽ là cái phút này đây. Nói thế không chỉ trách riêng cái thường tính của riêng ai mà còn phải trách cái xã hội đã để cho thường tính đó hoành hành một cách không hổ thẹn, nghĩa là chúng ta đã trách chúng ta chưa tròn nhiệm vụ.

Và như thế nghĩa là phải làm một cái gì. Một cái gì đã thấy được trong quá khứ, trong kinh nghiệm, đã thấy được trong đáy lòng, đã tiên đoán được ở trầm tư của một tâm tinh biết có lòng Tin trong đời.

Bạn rất nhớ của tôi ơi, mùa vui tết của quê-hương lừng

hoa và sao xuyên thì ở đây con người còn run bần bật trong trời giá tuyết mật mù. Trong niềm cô-quạnh dài của những năm xưa đơn-chiếc, tôi chợt tìm ra một Trời Vui hờ-hẹn, đó là sự chung lòng mình vào với tất-cả, cảm-niềm hạnh-phúc của ai ai làm nổi sung sướng cho lòng mình và cũng thế, đau cái đau của những mầm ung nhọt vỡ trên thân đời. Trong nỗi niềm pha lẫn này, tôi muốn dành chút ít thời gian ngăn ngui, ngăn nấp, chương-trình — thời gian của Tây-phương — viết cho bạn mấy cảm giác bột phát bất chừng, lộn xộn-quần đảo ở tâm tư.

Bạn sẽ hệ thống dùm cho, bạn sẽ nghe điều gì xem ra đúng và rầy la những điều chi còn nông nổi. Tôi sẽ lẳng chờ nghe ngóng, như lẳng chờ tự bấy nay một cái gì mới mẻ dậy rung lời Chân Thiện trên quê-hương.

Và bạn cho tôi trao niềm tin thiết-tha này đến tâm tư bạn.

# TÌNH THƯƠNG

## Nguồn sống của muôn loài

HUYỀN-KHÔNG

« Mẹ gieo hạnh-phúc đôi tay rộng,

« Như rưới mưa hoa xuống bụi đời ».

CHIỀU nay, mười chín tháng hai âm-lịch, là ngày lễ của đức Quán-Thế-Âm, một vị Bồ-Tát mà tình thương đối với muôn loài chúng-sinh bao la như bể cả, nên Phương cho học trò về sớm, để trên đường về nhà Phương sẽ ghé vào chùa lễ Phật, lễ đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Không hiểu tại sao, cứ mỗi lần nghĩ đến đức Quán-Thế-Âm là Phương cảm thấy như hồn mình đã trở về trong biển tình thương bát ngát mênh mông. Vì vậy trong cuộc đời, Phương thấy thiếu hình ảnh đức Quán-Thế-Âm là như thiếu tất cả sự sống. nên bao giờ quỳ trước hình ảnh hiền dịu của đức Quán-Thế-Âm, lòng Phương cũng lại rộn ràng lên một niềm khát-vọng vô bờ. Những tia hào quang chung quanh tượng, Phương xem như những dòng suối Tình Thương rọt rào tuôn chảy mênh mông trên

những nẻo đường nhân-loại, khoa lấp vụn mỗi u-buồn, khơi dậy nguồn sống trong lành ch, kiếp người còn đương đắm mình trong hồn mê hắc ám.

Sự sống trong lành ấy ai mà lại không cần ? khi kiếp người còn để cho ma chướng tham si xúi dục, cúi đầu trước mỗi danh lợi hảo huyền, rồi đày đọa nhau đẩy dụa giữa đềm dài tăm tối ! Tàn nhẫn hơn nữa, người với người cứ bày binh bố trận, hòng tàn sát lẫn nhau ; cướp bóc sự sống trên tay nhau mà không chút ngại ngùng, hổ thẹn ! Hết Nga Mỹ thử nguyên tử tiếp đến Pháp, rồi còn bao nhiêu mầm sát khí nữa sẽ tiếp diễn mãi trên trái đất này... Càng nghĩ chừng nào lòng Phương lại càng ngao ngán chừng nấy cho kiếp người sống thiếu Tình Thương, phũ phàng chà đạp nhau, giành giật nhau từ quyền lợi vật chất cho đến tinh thần ! Thế mà

miệng nhân loại vẫn nói đạo đức không ai bằng !

Trong kiếp sống mà dục-vọng tham si hoành-hành như thế, bảo ai lại không quý trọng tình thương ? Vừa đi Phương vừa suy nghĩ và cảm thấy mình lạnh cả hai tay, rồi Phương lại tưởng tượng như chính mình đã chuyển hơi ấm Tình Thương vào cuộc đời nhân-loại, để sưởi cho muôn triệu tâm-hồn đang chờ đợi Tình Thương, vì chính họ là nạn nhân làm vật hy-sinh cho loài người.

Nhìn thấy nhân-loại tự xe giầy buột khổ vào mình, lòng Phương xa xót vô hạn. Và nhất là mỗi lúc, khi nghe bất kỳ một tai nạn gì xảy ra quanh mình, như một người bạn bị nạn xe hơi chẳng hạn, Phương lại thoáng thấy hình ảnh máu hòa cùng nước mắt, rồi Phương động lòng thương xót cùng người ; hay nghe những tiếng rao hàng bé bỏng, lúc tỉnh sương, lòng Phương lại dạt dào thương mến. Mỗi lần tan học, trên đường trở về nhà nếu gặp những kẻ hành-khất lang thang là ngay đêm hôm đó Phương không thể nào ngủ được, vì Phương mãi lo nghĩ về những người hành khất đó không biết đêm nay họ ngủ nơi nào ?

Sự lo ngại của Phương không phải là không duyên cớ. Vì Phương là một Phật-Tử, lớn lên trong một hoàn cảnh thiếu tình thương của gia-đình, nhưng nhờ thiện duyên kiếp trước nên hôm nay Phương được điểm phúc sống trong nguồn đạo Từ-Bi, và ước nguyện mãi mãi được ôm ấp Tình thương rộng lớn đó trong cuộc sống của dòng đời thường đổi trắng thay đen. Nhất là vào những ngày lễ kỷ-niệm của đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát hằng năm, chính là dịp không những Phương mà hầu hết toàn thể Phật tử đều thành kính chiêm-ngưỡng đức Từ-Bi vô hạn của mười phương chư Phật, chư vị Bồ-Tát.

Phương thấy mà buồn cho những ai, vì đeo phải kiến màu, nhìn lòng từ-bi của Phật, của các vị Bồ-Tát qua một định-kiến sai lầm, cho rằng từ-bi không có giá trị gì, chỉ có lòng bác ái của Tây-Phương mới là tuyệt-dịch ! Nhưng họ không hiểu rằng, tình yêu dù có gò ép cho nó rộng bao nhiêu đi nữa, tự nó cũng đã nhỏ hẹp rồi. Vì tình yêu bao giờ cũng tìm đối tượng, phân-tích\* đối tượng đó có đáng cho mình yêu, và xem thử nó có vừa lòng mình không đã khi ấy mới yêu. Vì vậy,



chớ đâu mình muốn tuyên truyền tình yêu đó nó rộng rãi bao nhiêu đi nữa, tự nó nó vẫn cuộc hạn trong vòng sinh-tử luân-hồi qua tâm phân-biệt của chúng sinh, qua tính-chất đầy vị-kỷ của người. Và Từ-Bi là một Tình Thương rộng lớn. Người Phật-Tử không những thương người thôi mà còn thương ngay cả muôn loài, và núi sông cây cỏ. Nên tình thương của người Phật-Tử không cần đối tượng, vô tư để thương tất cả mọi loài mọi vật mà không chút vụ lợi, nhỏ nhen nào. Tình thương như vậy là tình thương tuyệt-đối vị-tha ; tình thương của những tâm hồn giải-thoát.

Nhờ sự giải thoát, nhờ lòng vị-tha quá tuyệt-đối nên cái tình thương nó đã vượt qua không-gian, và vì vậy nên Phương đã bắt gặp một tâm hồn Tây-Phương vọng về Tình Thương không biên giới đó, sau khi đã chán ngán cái nhãn hiệu bác-ái đầy máy móc của xứ sở mình, Michelet đã kêu than như thế này : « Ở Tây-Phương eo hẹp quá ! Xứ Hy-Lạp nhỏ bé quá, tôi nghẹt thở. Xứ Judéc khô khan quá, tôi thở dốc. Hãy để tôi nhìn một chút bên chân trời xa thẳm Đông-Phương kia. . Nơi đây, là cả một bài thơ

mênh mông, rộng như Ấn-Độ - Dương, hòa nhã đầy ánh sáng mặt trời. Một cảnh thái-bình êm ái, ngay giữa cuộc xô xát chiến đấu cũng có một cái gì dịu dàng vô tận, một sự yêu đương không bờ bến đối với tất cả mọi sinh vật trong đời, một cái biển Từ-Ái, khoan hồng, đầy trắc ẩn vô-biên vô tận. Tôi đã tìm được cái tôi muốn tìm : Quyển Kinh của Lòng Nhân-Đạo ». (1)

Từ-Bi, sự sống của cuộc đời, tình thương của nhân loại. Nên Phương nghĩ, thế giới ngày nay muốn hòa-bình, nhân-sinh muốn sống an-lạc, lẽ dĩ nhiên mỗi người đều phải tự mình thấm nhuần ít nhiều cái Tình Thương không thiên-vị, không vụ lợi và không giả dối của người Phật-Tử. Tình thương phải trong sáng như ánh trăng rằm, bình-dẳng vàng-vặc chiếu sáng khắp muôn loại chúng-sinh trong cuộc đời hắc ám này mới mong có cuộc sống thanh-bình.

Sân có tình thương truyền-thống, khi thấy cuộc đời vui ít buồn nhiều và chứa đựng không biết bao nhiêu là ngang trái, bao nhiêu bóc lột bất

1) Trích Văn-Minh Đông-phương và Tây phương.

công, nên đêm nào Phương cũng hướng về đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, cầu nguyện tình thương của ngài hằng che chở cho muôn dân, lấp cạn bao mối hận bất bình trong nhân thế.

Những đêm nằm ngủ, Phương thường thường hay mơ thấy hình ảnh đức Quán-Thế-Âm đưa hai tay rộng để ban bố hạnh-phước cho trần-gian, thoa dịu bao nỗi lầm than cơ-hàn trong nhân-thế, nên bất kỳ lúc nào hay ở đâu, nếu có ai đau khổ cầu nguyện ngài, ngài hằng tìm đến để cứu giúp. Và cứ mỗi lần làm lễ kỷ niệm đức Quán-Thế-Âm lòng Phương lại dạt dào một niềm vui không giới hạn. Tự nguyện trong lòng, từ nay trở đi Phương

không dám làm buồn tủi ai và không làm cho ai oán giận vì mình. Ngay cả học trò của Phương, không bao giờ Phương có ý nghĩ chúng nó với Phương là những người xa lạ, mà Phương chỉ biết dạy nó với tất cả tình thương un đức trong lương tâm mình. Phải chăng đây là tâm-hồn từ-bi của người Phật-Tử chính Phương đã ôm ấp tự muôn đời? Hay Tình Thương này là sự sống của nghìn xưa và cho cả nghìn thế-hệ mai sau, khi loài người còn chút lương-trí để sống hòa-hợp trong Đạo Tình Thương của kiếp người!

*Huế 19 tháng 2 Kỷ-Niệm Đức  
Quán-Thế-Âm.*

## HỘP THƯ

Vì có sự thay đổi về nội dung của tờ báo, nên số 1 vừa rồi phát hành trễ hơn một tuần, làm cho quý độc giả phải trông đợi. Chúng tôi mong quý vị lượng tình hoan-hỷ. Và số 1 vừa rồi quý đại-lý hoặc độc giả lẽ chưa nhận, hoặc nhận thiếu xin tin cho chúng tôi biết để gởi lại.

..

Liên-Hoa từ năm thứ nhất đến năm thứ năm hiện còn, giá tiền vẫn y lệ là mỗi năm 120\$, vị nào muốn có để làm tài liệu xin liên lạc với Tòa soạn.

LIÊN-HOA

# MÙI ĐẠO TRONG THƠ

CỦA QUÁCH-TẤN

**N**ăm Đinh-Mão (997) nhà Tống sai Lý-Giác sang sứ Việt-Nam. Vua Lê-Dại-Hành cử nhà sư Pháp-Thuận cải trang, giả làm lái đò ra đón sứ tại bến đò Sách-giang. Lý-Giác là một thi nhân có đại danh ở Trung-Quốc. Ngồi trong thuyền thấy đôi ngỗng trắng bơi nhỡn như trên mặt nước, bèn ngâm :

Nga-nga lưỡng nga-nga  
Ngưỡng diện hướng thiên-nha.

Nghĩa là :

Ngỗng trời đôi ngỗng trời  
Ngóng cổ nhìn thiên-nhịai

Trong khi Lý-Giác đang tìm từ để nối thì Sư Pháp-Thuận vừa chèo vừa ngâm tiếp :

Bạch mao phôi lục thủy,  
Hồng trạo bãi thanh ba.

Nghĩa là :

Nước xanh lông trắng trôi,  
Sóng biếc chân hồng bơi

Lý - Giác hết sức kinh dị. Về tới sứ quán họ Lý bèn tặng nhà Sư một bài thơ bát cú mà câu kết rằng :

Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,  
Khê đàm ba tịnh kiến thiềm thu.

Nghĩa là :

Ngoài trời còn có trời soi sáng,  
Sóng lặng đàm khe bóng nguyệt ngời

Những vần thơ trên đều là những vần thơ bất hủ.

Bài « Nga nga » là một bức tranh vẽ bằng lời, một bức tranh tuyệt mỹ. Còn cảnh nào nên thơ bằng cảnh đối ngỗng lông tuyết chân son, bơi trên dòng nước trong xanh và bát ngát. Và còn thú nào thanh thoát bằng cái thú hoà mình cùng vạn vật trong cảnh trời nước mênh mông.

Người đương cuộc đã được hưởng không biết bao nhiêu cái đẹp cái thú khi nhìn bức cảnh thiên nhiên.

Người đọc thơ lại hòa mình vào nét chữ để lòng rung cảm cùng bức cảnh trong thơ và hưởng lại cái đẹp cái thú.

Vì vậy mà bài thơ được truyền tụng vừa sâu rộng lâu dài.

Mà được truyền tụng sâu rộng và lâu dài chẳng những vì bài thơ đầy thi-vị mà còn vì trong mùi thơ thanh thú lại có mùi đạo thơm tho :

Câu « Nga nga lưỡng nga nga » nói về « Tâm cảnh nhất như và tuy nhất như nhưng hiện có tâm có cảnh ».

Chữ « nga nga » tượng trưng cho bản thể bất biến, hờn nhiên và vô phân biệt.

Bản thể chỉ là một nhưng hiện tượng lại nghìn khác muôn sai thành ra có chủ thể có đối tượng, tức là có Tâm có cảnh.

Chữ « Lưỡng » chỉ cho sự chia biệt kia vậy.

Tuy thể Tâm và cảnh đều bắt nguồn từ Giác-Hải Chơn-Thường và đều hướng về Chơn-Như Thể Thành :

« Ngưỡng diện hướng thiên nga ».

Thiên Nha tượng-trưng cho Thể-Tánh. Vì Thể-tánh tức Chơn-Như, vốn phi hình phi sắc, không thể bảo là « có », mà cũng không thể bảo là « không » Sắc ấy không, không ấy sắc. Chẳng khác chi chân trời kia không mà có, có mà không

Nói tóm lại hai câu thơ của Lý-Giác :

«Nga-nga lưỡng nga-nga  
Ngưỡng diện hướng thiên nha»

ý nói: Vạn vật biến sinh từ Diệu-Giác và đều quy về Giác-Hải Chơn-Như.

Còn hai câu thơ của sư Pháp-Thuận, thì câu «Bạch mao» chỉ vào Sư-giả, câu «Hồng trạo» nói về nhà Sư.

Tác giả mượn chữ «Bạch mao» để ám chỉ Sư giả là một cư-sỹ có đạo tâm (Bạch y cư sỹ) và để tượng trưng cho «Bồ Tát hạnh». Chữ «Hồng trạo» ám chỉ nhà sư (Hồng y tu-sỹ) lo việc tu-hành, và biểu thị cho «Thỉnh-vấn hạnh».

Chữ «Lục thủy» miêu tả cuộc đời sâu thẳm khôn lường. Vì nước có sáu sắc mới lục, mà nước càng sâu thì sự biến chuyển càng khó nghĩ-nghì.

Chữ «Thanh ba» mô tả những đợt sóng lòng (dục vọng phiền-não) nổi mãi không thôi.

Hai câu thơ của sư Pháp-Thuận:

«Bạch mao phô lục thủy  
Hồng trạo bãi thanh ba»

ý nói: Sư-giả là một cư-sỹ áo trắng hiện đem tài-năng ra phụng-sự quốc-gia, và đạo tâm ra độ sinh tế thế. Còn người lái đò là một Tu sỹ áo hồng, ngoài mặt thì thanh thoi nhàn nhã, nhưng đi sâu vào nội tâm thì luôn luôn chiến đấu cùng dục vọng phiền não để đi đến bờ giác bên kia.

Đó là ý cạn.

Nếu đi sâu thêm một tầng nữa, thì thấy rằng hai câu của Pháp-Thuận bởi bởi cho hai câu của Lý-Giác được viên mãn.

Hai bên khấn khít nhau như đôi ngỗng cùng bơi, khấn khít như đầu ngỗng, thân ngỗng và chân ngỗng.

Hai câu của Lý-Giác, như trên đã nói, phổ diễn chơn lý « Tâm với cảnh là một, và vạn vật đều là Như - như hiển hiện ». Tuy nhiên muốn thân chứng được Như như, thì cần « Hương thiên nha » tức là cần phải quay đầu về với Chơn Tánh.

Hai câu của Pháp-Thuận giảng tiếp rằng :

Trên bước đường về, người tu-hành phải làm gì đây ?

— Ngoài đời (Lóng trắng phổ trên nước biển) phải đem Bồ-Tát-hạnh phục vụ quần-sanh. Và trong khi phục vụ quần sanh phải giữ tam nghiệp (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp) cho trong sạch như lông ngỗng không có chút bụi nhơ.

— Trong lòng (chân hồng bơi giữa sóng xanh), phải lo chiến thắng dục vọng phiền não như đôi chân ngỗng chiến đấu cùng sóng sóng. Nước xanh hiện là sóng xanh, thì tâm chơn-như hiển là tâm phiền-não. Người tu-hành tuy ở trong phiền não nhưng cần phải cỡi sóng phiền não (chớ không phải lìa xa sóng phiền não, vì không phiền não không có bờ-đề) để lướt về « thiên nha ».

Như thế mới mong thành chánh quả, thân chứng Như-như.

Lược về Tam Quán, thì :

Hai câu của Sư-giả hàm súc lý nghĩa « Tùng giả nhập không » (Lưỡng nga nga hương thiên nha), tức là Năng và Sở (Nga-nga và lưỡng nga-nga) đều quay về Chơn-không Tự-Tánh. (Thiên-Nha). Đó là Chân-Đế.

Còn hai câu của nhà Sư miêu tả cảnh trí « Tùng không xuất giả » Bạch mao, Lục thủy, Hồng trạo, Thanh ba). Đó là Tự-Đế.

Tổng thể của bốn câu hàm nhiếp lý nghĩa Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa-Đế.

Chỉ có bốn câu 20 chữ mà ngậm chứa không biết bao nhiêu ý nghĩa cao thâm, nên bài thơ « Nga-nga » được truyền tụng đời đời là phải lắm vậy.

# NHỮNG NGÁ

## ĐUỜNG

*Chuyện dài Xã-hội của Võ-đình-Cường*

*(Tiếp theo)*

### III

**MI** I N H bàng hoàng thức dậy, mở mắt nhìn quanh không nhận ra mình đang nằm ở đâu. Chàng đã ngủ thiếp từ bao giờ chàng cũng không rõ. Xa xa có tiếng gà gáy. Gà gáy nửa đêm hay gần sáng? Mùi hương trầm phảng phất. Một hồi chuông ngân, rồi những tiếng mõ và tiếng tụng kinh tiếp theo, những tiếng tụng kinh thanh thoát, từ hòa an nhiên tự tại, những tiếng tụng đều, phăng phăng lướt đi theo với nhịp mõ, từng loạt, từng loạt như có sức mạnh lướt qua, vượt qua những khó khăn, những chướng ngại; tiếng mõ như thúc họ đi theo nhau cho đều, cho kịp thoát ra thoát ra vươn cao, vươn cao lên mãi; mỗi tiếng như có hai cánh trắng, nhịp nhàng vỗ rất đều rất đều, rất thẳng, rất thẳng ..

Minh xúc động quá; toàn thân chàng bị rung động cho đến thớ thịt, làn da. Nước mắt chàng ràn rụa chảy xuống má, xuống gối. Nước mắt chảy từ một nguồn tinh khiết mà đến bây giờ mới khai thông, hay từ một khối tình vừa tan vỡ mà những tiếng tụng kinh kia càng làm rạn-vỡ thêm: có lẽ cả hai nơi!

Minh trời dậy, đi đến vào điện Phật, nơi vị Trù-tri Thiện-Ứng đang tụng kinh khuya.

Trước bửu đặng, đèn nền sáng choang ánh hương trầm nghi ngút, nhà sư Thiện-Ứng đang ngồi kiết-già tụng niệm. Minh đi nhẹ nhẹ, đến quỳ phía sau lưng nhà sư, mắt ngược lên nhìn tượng Phật, hai tay chắp trước ngực, vẽ sùng kính lộ hẳn ra trong dáng điệu, trong đôi mắt... Nhà sư vẫn tiếp

tục tụng niệm không hay biết phía sau lưng mình, một niềm xúc cảm mới mẻ, mình-liệt đang lay dậy một tâm-hồn mới mẻ, vì đã lặn hụp vào trong bể tình đau khổ và đang muốn lặn vào bờ, không thích lặn hụp nữa.

Thật thế tâm hồn của Minh bây giờ đã chán ngán tất cả. Bao nhiêu hy vọng của tuổi thanh niên chàng đã đem đặt cả vào lô Ái-tình, và chàng đã thua cuộc, phải hai bàn tay không mà ra đi. Cuộc đời của chàng từ đây trở thành vô nghĩa, chán chường, đen tối khổ đau. Mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ Minh được ông Phán-Lộc nuôi dưỡng và Thoa con gái ông, vỗ về, an ủi, khuyến khích trong sự học hành. Mọi tình của Thoa kích thích sự ham sống, vui đời, tin tưởng ở tương lai. Sự phản bội của Thoa làm sụp đổ luôn tất cả những gì đang được xây dựng trên miếng đất phi nhiều của cái tuổi niên hoa của Minh. Lòng chàng bây giờ là một vườn hoang, bao nhiêu hoa lá đều bị một trận bão phủ phàng làm rơi rụng hết.

Minh gục đầu xuống hai tay, khóc tẩm tức, hai vai và lưng đều rung chuyển theo những cái nấc. Một hồi lâu, dần được cơn thổn thức, Minh ngửng đầu lên nhìn tượng Phật và thì thầm :

Kính lạy ngài, ngài vừa đến đúng lúc để cứu vớt một tâm hồn đang lặn hụp trong bể khổ và sắp chìm xuống đáy vực thẳm.

Từ đây cuộc đời trở thành vô nghĩa đối với con ; cuộc đời đã phụ-rầy con, và may ra con chỉ còn có thể tìm được một chút an ủi nào dưới ánh hào quang trí tuệ dưới nụ cười từ-bi của Ngài mà thôi. Con xin nguyện sẽ là một đệ-tử trung tín của Ngài suốt đời ở bên chân Ngài để được diu dắt ra khỏi bể ái, nguồn ân. để tìm quên trong đạo cả...

Nhà sư đã tụng niệm xong, và đứng dậy, định quay ra. Nhưng chợt nhìn thấy Minh đang quỳ khấn nguyện với một dáng điệu hết sức thuần kính, nhà sư im lặng đứng dừng lại. Đợi cho Minh khấn nguyện xong, và đứng lên, Sư Thiện-Ứng mới nở một nụ cười hiền dịu và hỏi :



— Thanh-niên dậy sớm thế ? Xin mời xuống nhà trai với tôi; một chén nước trà cho ấm bụng.

— Dạ !

Minh đi theo sau vị sư, xuống nhà trai và ngồi xuống một cái ghế tựa kê sát tường. Nhà sư ngồi trên ghế trường kỷ, trước một bình trà nóng, và một chú tiểu vừa pha xong.

Sư Thiện-Ứng chăm rãi rót hai chén nước, đưa một chén mời Minh ; còn chén kia thì thu gọn vào trong tay áo tràng cho ấm trước khi đưa lên miệng nhấp. Hai người đều im lặng. Hôm qua, khi Lục, anh lái thuyền cụt một chân, đưa Minh vào ra mắt sư Thiện-Ứng, Minh thấy có thiện cảm ngay với nhà sư. Một vẻ gì hiền hòa giản dị thanh thoát vây bọc kẻ tu hành ấy, làm cho Minh phải cảm mến và kính nể nhất là nụ cười hồn nhiên, dễ dàng nở trên môi bất cứ lúc nào, làm cho nhà sư đã quá ngũ tuần ấy có một vẻ gì ngây thơ, trong trắng như một đứa hài nhi ; và đôi mắt sáng, không một chút vẩn đục, sau làn kính tuổi, lại càng làm tăng vẻ thông minh của vùng trán rộng. Đôi mắt ấy bao giờ cũng nhìn thẳng vào người đối thoại và như có thể thấy được cái thầm kín bên trong của tâm hồn người ta ; và người đối thoại cũng cảm thấy không cần dấu điểm một điều gì trước cái nhìn sáng suốt, nhưng vô tư và khoan hòa ấy.

Hai người vẫn im lặng ngồi uống cạn chén trà thứ nhất. Uống xong, Minh đặt chén xuống bàn, đứng dậy chấp tay bạch với nhà sư :

— Bạch thầy, con là một kẻ lạc loài, bị đời ruồng bỏ ; và chính con, con cũng không tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời nữa. Con hết muốn sống. Con đi lang thang đến đây, may được thầy cho trọ lại trong chùa, nhờ đó, con vừa khám phá được cái ý nghĩa và sự cao cả của con đường giải-thoát. Vừa rồi trước điện Phật con đã phát tâm xin xuất gia đầu Phật ; và bây giờ, con thành khẩn xin thầy nhận cho con làm đệ tử, để sớm hôm được theo đời kinh kệ và thấm nhuần cái đức hạnh cao cả của Thầy.

Nhà sư chậm rãi rót trà vào chén, nắm chén trà lên, thu vào trong tay áo rồi từ tốn cất giọng :

— Thanh-niên hãy ngồi xuống đã.

Tôi vô cùng sung sướng được biết một người có tâm mộ đạo như thanh-niên. Nhưng vì sao thanh niên lại muốn xuất-gia đầu Phật ? Thanh-niên có điều chi buồn phiền chăng ? Thanh-niên bảo rằng thanh-niên chán ngán cuộc đời và không muốn sống, sao vậy ? Thanh-niên có thể nói cho tôi rõ nguyên nhân làm sao cho thanh-niên buồn phiền, đau khổ chăng ?

Minh ấp-úng một hồi, trước khi trả lời :

— Thưa,... thưa, con thấy cuộc đời tàn nhẫn với con quá ! Ngay chính người thân yêu nhất, người mà con đặt bao nhiêu tin tưởng, hy vọng cũng đã phụ rẫy con để chạy theo tiền-tài, danh-vọng. Con thấy cuộc đời xấu xa, bỉ-đĩ quá ! Nhà sư nhấp một hớp nước trà, thu chén trà vào trong tay áo nói chậm rãi :

— Như thế là thanh-niên muốn xuất-gia vì giận đời, hay nói đúng hơn, vì giận một người... Trường hợp ấy cũng thường thấy xảy ra. Nhưng đối với thanh-niên, tôi muốn vì một lý do khác hơn là lý do tình cảm mà thanh-niên xuất-gia.. Đời đáng giận, đáng ghét, mà cũng đáng mến, đáng thương. Hôm nay thanh-niên, vì giận đời mà xuất-gia, vài năm sau, khi người giận và trở lại yêu đời, thì thanh-niên còn có lý-do để ở lại chùa nữa chăng ?...

Nhà sư dừng lại, nhìn Minh và nở một nụ cười thoáng nhẹ như để xin lỗi sự thẳng thắn của mình, rồi lại tiếp :

— Cửa chùa rộng mở cho tất cả mọi người, tôi không cản-trở nguyện vọng xuất-gia của thanh-niên, nhưng tôi khuyên thanh-niên nên vì một lý-tưởng, một đại nguyện mà xuất-gia. Thanh-niên còn có nhiều thì giờ, để suy nghĩ cho chín chắn trước khi quyết định. Nếu thanh-niên cần tìm sự yên tĩnh thì cứ ở lại đây với tôi. Những khi rảnh rỗi, tôi sẽ kể cho Thanh-niên một câu chuyện đã xảy ra trong vùng này, và có lẽ sẽ bổ ích nhiều cho thanh-niên trong sự quyết định xuất-gia.

(Còn nữa)

# NGŨ - HÀNH - SƠN

NGHŨNG NGỌN NÚI LỊCH-SỬ, TỎA RẠNG ĐỨC TIN HUYỀN-NHIỆM, KIỀU-DIỂM CỦA DÂN-TỘC

**N**gũ Hành-Sơn là năm ngọn núi Ngũ-hành: Kim-Sơn, Mộc-sơn, Thủy-sơn, Hỏa-sơn, Thổ-sơn, xếp thành hai dòng ngang, mỗi dòng rộng chừng 2000m, sâu 800m, cách Đà-Nẵng bảy cây số về phía Đông-Nam sông Trường-Giang, sát bờ biển Tiên Chà.

Ngũ-Hành-Sơn còn có tên Phở-Đà-Sơn, Núi Khỉ, Núi năm chòm, Núi năm ngón tay, Núi Cầm-Thạch, tên tuy có nhiều, nhưng phổ biến nhất là tên «Ngũ-Hành-sơn» do vua Minh-Mạng đề ra, và ý nghĩa hơn hết là tên «Hòn Non nước» do dân chúng đặt nên chẳng biết tự hồi nào.

Ngũ-Hành-Sơn thuộc vào những ngọn núi lịch sử, trong bao nhiêu năm đã tỏa rạng đức tin huyền nhiệm, kiêu diễm của dân tộc Việt Nam.

Núi Ngũ-Hành xuất hiện giữa eo lưng nước Việt cần nguyên thế nào, và sinh ra tự bao giờ, đến nay chưa ai có thể xác định một cách

rõ ràng. Người ta đoán rằng vào một thời rất xưa, ở đây có cuộc động đất, tang điền biến thành thương hải; và biển sâu đã nổi dậy những ngọn núi cheo leo, rồi thời gian pha sắc, điềm màu khiến cho vết dấu thăng trầm của Vũ-Trụ (ở nơi này) trở thành những ngọn núi hùng-vĩ, có nhiều vẻ tân kỳ và huyền bí.

Nhưng dù có thấu rõ ngọn nguồn hay không, điều đó chẳng quan hệ gì nếu các ngọn núi kia tự mình không đại diện một cái gì, hay nói một cách khác tự mình không làm nặng lòng người đã qua và gây được bao nhiêu lưu luyến giữa lòng người sắp đến. Xưa nay, sơn hà, đại-địa trước lễ thành hội chung đã chịu bao nhiêu lần thay đổi kinh khủng có nơi đã được ghi chép kỹ lưỡng từng tấc đất, từng viên gạch vữa, nhưng đã mấy nơi được nhắc nhớ lại

bằng tất cả chí thành và tha-thiết.

« Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo »... huy hoàng, đồ sộ như thành Thăng-Long, qua thời-gian cũng vẫn chỉ còn lại một hình ảnh hư hao, nhạt nhợt trong bóng chiều .. cùng một nhịp tang thương này, xa xuôi, các kinh thành xưa của Ai-cập, Hy-lạp và nhất là La-Mã như đã chịu khuất giữa bao nhiêu làng quê của loài người. Nói thế, không phải để trách rằng loài người đã quá vô tình trước những di tích lịch-sử; mà trái lại, chỉ để long trọng nêu lên ở đây cái ý thức tồn cổ sống động, chính xác của con người: Thánh địa Jérusalem, Bê-đê Đạo-tràng dù đã trải qua bao nhiêu phũ phàng, tan vỡ gây ra bởi một nhóm người ác nghiệt, có quyền thế, không biết tôn trọng đạo khác như chính tôn giáo của mình, ngày nay các thánh địa ấy vẫn được nhân loại tập nập viếng thăm, ôm lấy mảnh đất bỏ quên như ôm lấy mảnh linh hồn của mình từ lâu đã lạc mất...

Ngày mười chín tháng hai năm nay, các Hang, Động Ngũ-Hành sơn mở rộng lòng

khai « HỘI - QUAN - ĀM », đó cũng là kết quả tất nhiên xây trên lòng chí thành của một Dân-tộc không bao giờ có ác ý muốn nuốt trôi tôn giáo. Tín-đồ Phật-giáo Việt-Nam giờ này khai HỘI-QUAN-ĀM, cũng là một việc làm thuận niềm tin, hợp lý trí và tình cảm, chẳng khác gì tín-đồ Phật-Giáo Thế-giới khai hội Bê-đê, và tín-đồ Thiên chúa Giáo mở hội Bê-lem.

Hội QUAN-ĀM tại Ngũ-Hành sơn cũng có thể gọi là « HỘI Non-Nước », bởi vì nơi đây là một bàn thờ thiên nhiên, vĩ đại mà quân, dân Việt-Nam từ lâu dùng để thờ ĐỨC QUAN-ĀM, bàn thờ nhìn ra biển và soi bóng trên dòng Trường-giang (vọng Giang đài, vọng Hải-đài). Bàn thờ đức QUAN-ĀM trên đất Non Nước được thiết lập, chỉ là hình ảnh thu gọn và kết tinh của niềm thương vô tận trước nỗi khổ đau vô cùng. Bàn thờ đức Quan-âm này màu nhiệm dựng lên giữa HẢI-VÂN-QUAN và Tháp đền Chàm đã chia rớt và chúng kiến bao nhiêu nỗi làm than và gian khổ của những người có trách nhiệm ít nhiều trước lịch-sử dân tộc và Tôn-giáo.

Hãy khoan nói đến đức tin kiêu diễm của dân tộc được dệt bằng bao nhiêu mẫu đời huyền nhiệm của đấng thần linh như đã ngấm sâu trong lòng đá, giữa chốn nước non thiêng liêng này; căn cứ trên một vài dấu tích lịch sử còn lưu giữ lại, người ta được biết rằng quân dân Chiêm-Thành thời xưa đã góp công xây dựng một số lớn đền tháp tại Ngũ-hành-Sơn cho quan quân và giai nhân nước họ có nơi chiêm ngưỡng, tôn thờ trong những thời mở rộng cơ đồ về phương Bắc. Sau lại, khi đại quân của Nguyễn Huệ tiến về Thăng Long và sắp đặt chiếm cứ các miền Phú-xuân, Nghệ-tĩnh .. cũng đã dùng Ngũ-hành-Sơn làm căn cứ dưỡng binh. Chúa Nguyễn-Ánh trong những ngày gian nguy nhất để thực hiện công cuộc thống nhất sơn hà đã tìm được ở đây ít nhiều che chở. Truyền rằng khi binh lính Nguyễn-Ánh gặp lúc đối phương đánh ngặt quá chạy về đây vừa hết lương thực vừa bị thúc ép không lối thoát, thì từ những dãy rừng núi thuộc vùng Ngũ-hành-Sơn

sương mù nổi dậy, nhờ vậy mà tàn quân của Nguyễn-Ánh có nơi ẩn núp, họ lại tìm được ở trong rừng một món ăn thiên nhiên để giải quyết vấn đề thiếu hụt lương thực, đó là giống cây lòn bon bấy giờ gặp mùa thịnh mãn đã dâng quả ngọt cho nhà Vua cùng tất cả binh lính. Sau khi Bình định được xứ sở, đề ghi nhớ công đức của Thần linh tại địa phương này, Vua Gia Long sắc phong cho trái núi là: Na-Lư-Trình-tiết Phu-Nhơn; và một công chúa, con Vua Gia-Long cũng vào ở lại tu tại một chùa ở Ngũ-hành-Sơn.

Sau triều Gia-Long; Vua Minh Mạng đã chú trọng một thiết về việc xây dựng và tu bổ vùng Ngũ-hành-Sơn ngày một uy nghi diễm lệ hơn. Cùng một thời đại Hải-Vân-Quan được dựng lên, các ngôi chùa Non-Nước như chùa Trang Nghiêm, Bửu-Đại, Tam-Thai, Hoa-Nghiêm điện, các Pháp bảo như Cửu-Trùng tượng, Hồng-chung đã được tạo lập; và để mỗi lần viếng Non-Nước có nơi nghỉ ngơi, nhà vua đã truyền xây cất Hành cung gần chùa Tam-Thai. Cuộc viếng thăm chính thức đầu tiên của vua Minh-

Mạng bằng ngự thuyền ở tại Non nước vào tháng 6 năm 1825 đã mở đầu mọi cuộc xây dựng tốt đẹp trên.

Chùa gọi là chùa Non nước, lẽ chính vì chùa xây trên non, nhìn ra bề và vụng về sông, một lẽ khác chùa này là chùa lịch sử đã chứa đựng biết bao nhiêu mồ hôi và nước mắt của quân dân Việt-Nam khi thái bình cũng như lúc chinh chiến, khi nguy nan cũng như lúc hiển đạt. Hòn Non-nước nằm giữa eo lưng Việt-Nam nổi bật trên lãnh thổ Việt-Nam chẳng khác gì một ngôi tháp cảm thạch hùng-vĩ, oanh liệt in giữa giang sơn gấm vóc mà thời gian dù tàn nhẫn và hoàn cảnh dù lệ bạc vẫn không sao xóa mờ được; Cho hay, nơi nào mà dân tộc đã trang trọng gửi vào đó một ít đức tin và rất nhiều tâm hồn của mình, nơi ấy dù muốn hay không muốn vẫn là nơi bất diệt.

Hai câu chuyện dựng lên giữa thế giới thần linh mà nhân vật chính thường hiển hách, anh linh, thường rất xa với thực tế lối ăn, trắng trợn của đời người, nhưng rất gần với thế giới vô biên của lòng người đã gây thêm vẻ huyền nhiệm cho hòn Non nước, đó là chuyện Đức Quan-Âm hàng phục Tề-thiên Đại-Thánh, và

chuyện nữ thần Naga gặp người Đạo-sĩ:

— Ngày xưa, Tề-Thiên Đại-thánh có tài, có nhiều phép lạ nhưng tánh kiêu cần có tham vọng lật ngôi Ngọc Hoàng-thượng - đế. Đức Quan-Âm muốn trừ tánh kiêu cần đó, và khuất phục một tay cự phách như Tề-Thiên Đại-thánh, đã ứng hiện hỏi Tề-thiên có tài gì mà dám tranh Ngôi ngọc-Hoàng. Tề-Thiên trả lời có tài không già, không chết, có tài nhảy xa tám vạn dặm... Đức Quan-Âm không tin, thách Tề-Thiên có nhảy quá bàn tay của Ngài không đã. Tề-Thiên vụt nhảy nhưng bị lật ngã, núi vỡ ra làm hai, hằm khếp Tề-Thiên lại năm ngón tay của Đức Quan-Âm ấn lên ngọn núi, núi thành núi năm chòm cho nên bây giờ có tên là núi Ngũ-chỉ. Về sau, Khi đức Đường Tam-Tạng trên đường sang Tây Trúc thỉnh kinh, nghe được tiếng rên rĩ của Tề-Thiên trong lòng núi, phát nguyện độ thoát và cầu xin đức Quan-Âm mở ngục núi cho Tề-Thiên Đại-thánh theo mình làm đệ tử đi Tây-Trúc thỉnh kinh. .

— Ngày xưa, thần Kim-Qui hiện trên hòn Non-Nước tặng cho vị đạo sĩ một chiếc trượng

thần. Trùng càng lâu càng to, một sớm kia khi vị đạo sĩ vừa tỉnh giấc, nhìn về chiếc trùng, thấy trùng nở ra một thiếu nữ tuyệt đẹp. thiếu nữ lớn lên, đã cùng với vị đạo sĩ một lòng chăm sóc và nuôi dưỡng nhân dân vùng này về mặt vật chất lẫn tinh thần. Kịp khi vua Chiêm-Thành ngự giá về đây, được nghe danh thơm và sắc đẹp của người thiếu nữ, vội vào xin kết hôn. Hôn lễ thành, thiếu nữ lên ngôi hoàng hậu, Đạo sĩ cõi Kim-Quì về trời...

Những hình ảnh phúc-đức trong hai câu chuyện phát từ hạnh nguyện lợi tha của Đức Quán Âm trên đất Việt một người Mẹ Việt-Nam rạt rào niềm thương, dựng lên hòn Non nước tại Ngũ Hành sơn để dành thờ đức Quán

Âm, đã được xem là một bản thờ VT-đạo của Dân-tộc để muôn đời nêu cao hạnh nguyện vô-tận, vô-biên của đáng Đại-bi chỉ xuất hiện vì nỗi khổ đau giữa trần thế chưa đoạn dứt.

Tháng hai ngày mười chín mở Hội Quán-Âm trên NON-NƯỚC thật là một ngày qui-kính lớn lao của toàn dân!

— TOÀN - DÂN HOAN  
NGHÊNH NGÀY HỘI QUAN  
ÂM.

— TÍN ĐỒ PHẬT - GIÁO  
VIỆT-NAM TÍCH CỰC TRANH  
ĐẤU CHO CUỘC GẶP GỠ  
THIỆNG-LIÊNG CỦA DÂN TỘC  
GIỮA LÒNG NỌN NƯỚC  
CHÓNG THÀNH TỰU VIÊN  
MÃN.

Tháng hai 2503.  
XUÂN-LINH

Toàn thể Phật-tử hãy tích cực  
cử hành ngày Hội Quán-Âm và  
chuẩn-bị lễ Phật-đản 8-4 sắp đến.

PHẦN THỨ HAI

Mục-dịch và lịch-trình tiến-triển của

**GIA - ĐÌNH PHẬT - TỬ**

HÙNG - KHANH

**I. - MỤC ĐÍCH :**

Nói một cách tổng quát và nôm na thì Gia đình Phật Tử có mục-dịch đào luyện con em thành những con người có đạo đức, thẩm nhuần tinh thần Phật-giáo. Nhưng dựa vào các văn kiện căn-bản, như trong các nội quy của Tổ chức này chúng ta thấy có nhiều sự thay đổi trong mục đích theo từng giai đoạn. Những sự thay đổi ấy đã tuần tự đi từ phạm vi rộng rãi đến phạm-vi hẹp hòi, trong khi ấy thì phong trào Gia-đình Phật-Tử đi từ phạm vi hẹp hòi đến phạm vi rộng rãi. Để nhận rõ cái mâu thuẫn này, chúng ta hãy tuần tự đi lại lịch trình tiến triển của Gia đình Phật.tử song song với những giai đoạn mà mục-dịch đã được sửa đổi.

**II. - LỊCH TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA GIA ĐÌNH PHẬT-TỬ :**

1) **Giai đoạn sơ khởi.** Khi mới ra đời vào năm 1911 tổ chức này có cái tên là Gia-Đình Phật-Hóa-Phổ cái tên do người sáng lập là cư-sĩ Tâm-Minh đặt ra. Ông Tâm-Minh đã dựa vào cách tổ chức Liên-gia ở Nhật và các xu-hướng tôn giáo, phát huy những giá trị cổ điển



trong nền văn minh Á đông nói chung và Việt-Nam nói riêng, cái xu hướng có mục-dịch đánh thức tinh-thần dân tộc và lòng ái quốc của ta trong giai đoạn thế chiến thứ hai. Ông nhận thấy sự sụp đổ của chủ-nghĩa cá nhân, tây phương, mà chính người Việt-Nam ta trong giai đoạn ấy cũng đang mù quáng theo đà với sự cồ vũ khoa chuông, gõ mõ của nhóm Tự-lực văn-đoàn ; nhưng ông cũng nhận thấy chủ nghĩa đại gia-đình của Khổng-giáo cũng không thể đứng vững trong xã-hội của thế kỷ hai mươi nữa, Cái Tồ chức cứng đờ với những tôn ti, trật tự máy móc, hình thức ấy đã bị phá vỡ bởi làn sóng văn minh tây phương.

Vậy thì làm thế nào cho trong gia đình, con người không quá cá nhân, ích kỷ chỉ nghĩ đến mình, nhưng cũng không phải đau khổ, hy sinh hạnh-phúc mình cho cái hình thức tôn ti trật tự cứng đờ, thiếu sinh khí, thiếu tình cảm hồn nhiên ? Chỉ có một cách là mượn lại hình thức đại gia-đình, nhưng thả cho có một sinh khí mới là tinh thần Đạo Phật, trong ấy, mỗi phần tử đều tầm gọi trong hào quang của trí tuệ và giòng suối của từ bi trong đại gia-đình mới này, tất cả các phần tử không phải được hàn gắn, cố kết, thông cảm qua huyết thống, qua tinh thần gia-tộc. như trong gia-đình cũ, mà qua Phật tánh. Châm ngôn của đại gia đình mới này là hòa thuận, tin yêu, vui vẻ. Thực hiện được ba điểm chính ấy là thực hiện được hạnh phúc của gia-đình.

Dựa lên tinh thần nói trên, thành phần của đại gia-đình mới này không phải chỉ gồm có những người cùng một huyết thống, giòng họ, mà còn gồm có những người trong thôn xóm, láng giềng cùng tin Phật và cùng mong

muốn tạo hạnh-phúc cho nhau, ngõ hầu thực hiện một đời sống chung tốt đẹp, hiền hòa hơn trước. Đã gọi là gia đình thì tất không hạn tuổi tác, những ông bà cụ già đầu bạc cũng cùng sum họp, quây quần với những mái đầu xanh, những hài nhi mần sữa.

Những kiểu gia đình mới này đã được xây dựng lần đầu tiên vào khoảng 1941 ở Huế. Đó là những Gia-đình Phật hóa phổ có cái tên là Tâm-minh, Thanh-tịnh, Tâm-lạc Sum đoàn... Những gia đình này quy tụ được một số thanh niên nam nữ học sinh, sinh viên và trí thức ở Huế. Những ngày chủ nhật, ngày lễ ở ngoài đời bay trong đạo, những ngày sinh nhật của các Gia trưởng, họ họp nhau để lễ Phật, nghe thuyết pháp, trình diễn văn nghệ, ăn chơi với một tánh cách đầy đạo vị, hay đi du ngoạn, cắm trại... Họ khuyến bảo nhau sách lẫn nhau tu hành học hỏi, và làm việc thiện.

Mục đích đầu tiên của Gia-đình Phật hóa phổ là *xây dựng hạnh phúc gia đình và cải tạo xã hội trên nền tảng Phật-giáo.*

Những Gia-đình Phật-hóa phổ ấy sinh hoạt một cách êm đẹp cho đến ngày quân đội Nhật đảo chánh. Từ đấy những biến cố chính-trị dồn dập xảy ra và làm tan rã tất cả những tổ chức đoàn thể đã xây dựng từ trước. Gia-đình Phật-hóa-phổ cũng ở trong tình-trạng ấy.

**2) Giai đoạn phục hồi :** Một năm sau ngày chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, một số Phật-tử hồi cư về Huế, nghĩ đến chuyện bắt tay xây dựng lại những gì đã bị đổ nát trong lãnh vực Phật-giáo : Sửa sang lại chùa Từ-dâm, đặt

văn phòng của Hội Phật-học, bắt liên lạc với các tỉnh, kết tập hội-viên... Nhưng hội viên còn e ngại sự khủng bố của quân-đội Pháp ở các vùng bị chiếm, nên ít dám tụ họp dù là tụ họp tại chùa để lễ Phật. Cái gương thầy Trí-Thuyết bị bắn, Thượng-Tọa Đôn-Hậu bị bắt bớ và ngược đãi một cách quá phũ phàng làm cho giới Phật-tử e dè và chán ghét quân đội viễn chinh Pháp. Nhưng không lẽ không làm gì cả? Một số Phật-tử cốt cán trong ấy người có công lớn là thầy Thích Minh-Châu, nghĩ đến một hình thức hiền lành nhất để kết hợp Phật-tử và truyền bá đạo Phật là mở những nhóm hội học và diễn giảng cho thanh thiếu niên học-sinh. Lớp học đầu tiên mở tại trường Thượng-tử, hay ở nhà các đạo hữu ở trong Hoàng thành như Đạo hữu Hoàng-Mộng-Lương, Phan-cảnh-Tú. Những học viên đầu tiên trong các nhóm ấy là những con chim bạt gió từ bốn phương bay về, khao khát một chút yên tĩnh tâm hồn, một chút tình thương giữa cái xã-hội đảo điên thù hận đầy tang tóc và ác độc mà họ đang sống sót trong khi những người thân yêu của họ đã chết rồi, háy đang sống đó? Nhưng nghe và học không cũng chưa đủ. Phải cho họ làm một việc gì phải để cho họ áp dụng những điều họ đã học, phải cho họ cái vinh bạnh thấy mình hữu ích, có trách nhiệm, mới có thể giữ họ lại được với Đạo, không thì họ sẽ đi theo tiếng gọi khác.

Do đó, hình thức Gia-đình Phật-hóa phổ được dựng lên, trong ấy họ là những người anh, người chị, những người huynh-trưởng để diu dắt các đàn em thơ dại, đang run rẩy, xơ xác trong cơn gió lốc của thời đại.

Gia-đình đầu tiên được thành lập sau ngày hồi cư là gia-đình Phật-hóa phổ Hướng-thiện, mà vị Gia-trưởng là Đạo hữu Phan-cảnh-Tú ở kiệt hai đường Âm-Hồn trong Thành-Nội (Hà Nội). Hình thức và sinh hoạt của Gia-đình này không khác gì các Gia đình Phật-hóa-Phổ trước thời chiến tranh Việt Pháp, nghĩa là chưa tổ chức thành

đội, chúng, đoàn, chưa có đồng phục, chưa có nội qui rõ ràng. Đó là một nhóm người ô hợp: già, trẻ sáng lập Hội-viên của Hội Phật học, hay chưa vào hội, thanh niên Phật-tử cũ, Hướng-đạo sinh, đoàn viên Phật-học Đức-dục, học-sinh công chức... chứ không thuần nhất như những thành phần trong các gia đình Phật-hóa phổ hồi tiền chiến. Nếu có một điểm giống nhau giữa những hạng người phức tạp ấy, đó là ý nguyện thiết tha muốn được sống bên nhau, nâng đỡ nhau tạo thành một bầu không khí dễ thở đầy đạo vị hợp thành một hòn đảo an lành giữa biển đời giông tố.

Như thế mục đích sự phục hồi Gia đình Phật-hóa phổ trong giai đoạn này cũng đã có đôi phần sai khác với mục đích đầu tiên của sự thành lập Gia-đình Phật hóa phổ do Đạo-hữu Tâm-Minh đề xướng lên vậy.

(Còn nữa)

Phản Gia-đình Phật-tử

**MỤC TRUNG CẦU Ý KIẾN**

*Chúng tôi nghe phong phanh trong gia-đình Phật-tử có một xu hướng muốn thay đổi danh hiệu Gia-đình Phật-tử ra Thanh-Niên Phật-tử Việt Nam. Dự luận tán thành sự thay đổi danh hiệu này cũng nhiều mà sự phản đối cũng không ít. Để rộng đường dự luận về vấn đề này và để có một sự thông cảm sáng suốt trước khi quyết định nên thay đổi hay không, Liên-hoa Nguyệt-sau bắt đầu từ số sau, sẽ mở ra một mục trưng cầu ý kiến anh chị em Đoàn sinh Gia-Đình Phật-tử toàn quốc. Trong mỗi số báo, Liên-hoa sẽ để dành một số trang để đăng tải ý-kiến của quý vị độc giả, nhất là của đoàn sinh G.Đ.P.T. về vấn đề này, mong mỗi quý vị độc giả sẽ tham-gia ý kiến một cách dõ dạc và xây dựng.*

LIÊN-HOA

# GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ

LÊ - CAO - PHAN

**T**RÊN mặt tờ Nguyệt - san này, đã có lần thấy nêu lên vấn-đề Văn nghệ, yếu tố giáo-dục thứ ba của Gia-đình Phật Tử, đứng sau hai môn Phật-Pháp và hoạt động Thanh-niên.

Nói đến tinh thần và đường lối sinh hoạt của Văn nghệ Gia - đình Phật-Tử, bạn Xuân Linh (xem Liên-Hoa số 11 ra ngày 15-12-59 trang 47) đã quan niệm: *Nền Văn-ngệ này xây dựng trên căn bản Gia-đình và được tinh thần Phật-Giáo. Nó không phải là cứu cánh sinh hoạt của gia-đình mà chỉ là một phương tiện để bảo vệ và nêu cao đức tin, lý tưởng gia đình. Ngoài ra, nó còn là một lợi khí giáo-dục để hướng dẫn tình cảm và thiên tài của tuổi trẻ phát triển mạnh mẽ và đời dào dạt hơn.*

Đây là một quan niệm chính xác, khá dĩ được mệnh danh là một lý thuyết cương lĩnh, một nguyên tắc cho Văn-ngệ Gia-đình Phật-Tử.

Và lý thuyết cương lĩnh ấy không khỏi khiến chúng ta nghĩ đến phương diện thực hành: việc

huấn luyện Văn-ngệ cho Nam Nữ thanh thiếu nhi Gia-đình Phật-Tử. Vì một khi nguyên tắc cương lĩnh ấy đã được thừa nhận, công việc thể hiện Văn nghệ Gia-đình Phật-Tử, đến lượt nó, phải được xem là một vấn-đề quan trọng.

Mục đích của tôi là góp một tiếng vang vào câu chuyện Văn-ngệ Gia-đình Phật-Tử, nhắm ngay khía cạnh thực hành nói trên. Hy vọng rằng một vài nhận xét thô thiển, mấy điều thắc mắc băn khoăn sẽ làm cho những ai hằng nuôi hoài bão về giới thanh niên Phật-Tử càng suy nghĩ thêm về chương trình giáo-dục trọng đại này.

Trong thời gian 15 năm qua, kể từ ngày Gia-đình Phật-Tử được khai sinh dưới danh hiệu Gia-đình Phật-Tử Hóa-Phổ, Văn-ngệ Gia-đình Phật-Tử (tôi chưa dám gọi là Nền Văn-ngệ) đã trải qua nhiều thăng trầm theo sự thịnh suy của tổ-chức giáo-dục thanh-niên này. Nhưng có điều đáng tiếc là trong lắm trường hợp mặc dù Gia-đình

Phật-Tử phát triển khả quan, Văn-nghệ Gia-đình Phật-Tử vẫn cứ dầm chân tại chỗ. Đây là một tình trạng cần phải cứu vãn, vì nếu Văn-nghệ, yếu tố thứ ba, không tiến bộ, tất nhiên môn Phật pháp (và có thể nói ngay cả hoạt động thanh niên nữa) phải mất đi một vai phụ tá quan trọng. Trong hoàn cảnh ấy, nếu Gia-đình Phật-Tử có phát triển chăng nữa, bước tiến chưa có thể gọi là vững chắc được. Lý do tưởng cũng dễ hiểu: dạy Đạo Phật cho lớp người đang lên ấy có nghĩa là dạy cho họ *Một lẽ sống*, và muốn vậy, việc giáo dục này cần phải linh động, phải khoác một bề ngoài tươi trẻ, chứ không thể đóng khung trong những giáo-lý và giới-điều quá nghiêm nghị và cứng cỏi.

Giáo-lý và giới-điều phải được biến vào trong hành động thực-tế trong chính lẽ sống của thanh niên Phật-Tử. Huấn-luyện hoạt-động thanh-niên xã-hội, huấn-luyện Văn-nghệ là những hình thức nguy trang cần thiết trong sự giáo dục một lẽ sống, để khỏi nói là giáo-dục đạo Phật.

Xét riêng về ngành Văn-nghệ, chúng ta nhận thấy tình trạng hiện

tại rất cần được bổ cứu hầu phục vụ đặc lực cho trên 50 nghìn Nam Nữ thanh thiếu niên Phật-tử hiện đang qui tụ trong 625 gia đình.

**A. — Chương-trình Văn-nghệ:** Chương trình học tập về phần Văn-nghệ (Gồm có: Âm-nhạc — Sân khấu — Hội họa — Nhiếp ảnh — Thi văn — Điều khắc hay Nữ-công, gia chánh) mặc dù xem qua rất đơn giản, nhưng khi áp dụng, ai nấy đều đã phải nhận rằng chương trình này phản ảnh một tham vọng quá cao, vì đặt nặng một vấn-đề huấn luyện Văn nghệ và không thể nào áp dụng triệt để cho mỗi cấp bậc thanh thiếu nhi trong một thời gian được ấn định theo chương trình Phật pháp không ai phủ nhận rằng chương trình này là một phần bổ túc hữu ích cho học đường và gia đình riêng của thanh thiếu nhi, nhưng khả năng và phương tiện thường không cho phép thanh thiếu nhi tiêu hóa dễ dàng những kiến thức bổ túc ấy.

**B. — Hiện tình tài liệu Văn-nghệ:** Đa số các gia đình hiện nay đang sống trong cảnh thiếu thốn tài liệu huấn luyện Văn-nghệ, tôi muốn nói thiếu những tài liệu đúng với danh nghĩa *tài liệu Văn-*

nghệ cho Gia-đình Phật-Tử, nghĩa là có ít nhiều giá trị nghệ thuật và khá dī đē cao được chān ngôn Bi, Tri, Dūng của Gia-đình Phật-Tử. Vì trên thực tế một số huynh trưởng vẫn phải tạo cho kỳ được những tài liệu huấn luyện và sáng tác phẩm để trình diễn cấp thời. Rồi những tài liệu ấy chóng bị lu mờ trong quên lãng. Nếu có ít nhiều tài liệu, hoặc tác phẩm hữu ích trong vài Gia đình, rất tiếc rằng những tài liệu ấy phần nhiều chưa được phổ cập đến khắp các gia đình khác vì sự liên lạc giữa các gia đình chưa được chặt chẽ. Chính những tài liệu và tác phẩm do các huynh trưởng và cán bộ văn nghệ Gia-Đình Phật-tử soạn thảo hay sáng tạo thường phần ảnh một phần nào đời sống của Gia đình, mặc dù giá trị nghệ thuật chưa được hoàn mỹ. Những tài liệu ấy, nếu có rất đáng được lưu ý gom góp chọn lọc và tu chỉnh. Nếu tôi không lầm thì, vì lý do năng khiếu hoặc hoàn cảnh, đại đa số huynh trưởng phải chịu khó dùng những tài liệu huấn luyện và trình diễn văn nghệ đã mất thời-gian-tính hay thiếu địa-phương-tính.

### C. Hiện tình cán bộ văn

nghệ: Số cán bộ văn nghệ Gia đình Phật tử đứng danh nghĩa hiện nay cũng còn hiếm hoi lắm. Lệ thường các huynh trưởng phải kiêm nhận luôn vai tuồng cán bộ văn nghệ trong khi chính họ chưa được huấn luyện hoàn bị. Tại các địa phương có Gia-đình Phật-tử hoạt-động, thường vẫn có một số thanh-niên có khả năng văn nghệ khá dī giúp đỡ hữu hiệu cho các huynh trưởng về phương diện này, nhưng rất tiếc rằng trong thời gian qua những qui tắc và nội lệ của đoàn thể chúng ta, nhất là lòng tự ái mà một số huynh trưởng thường mắc phải, đã gây nên nhiều chướng ngại trong sự kết nạp những cán bộ ấy vào Gia đình Phật tử.

Một số thanh niên văn nghệ sĩ đã đến với Gia đình vì văn nghệ đã hoạt động khá quan, với tư cách bạn đoàn nhưng rồi vì xử trí vụng về, chúng ta đã làm cho họ xa lìa Gia đình trong khi họ chưa kịp được thấm nhuần ý thức về Đạo.

Làm thế nào để bổ cứu tình trạng văn nghệ gia-đình Phật-Tử? Tôi xin nêu ra vài ý-kiến:

**A. — Chương - trình Văn - nghệ:** Chương - trình này cần được duyệt lại và đơn giản hóa

hơn nữa. Nên đặt nặng vấn đề giáo-dục bằng văn nghệ, không nên quá chú tâm về phương tiện huấn luyện về văn-nghệ mặc dù vẫn phải huấn-luyện thường-xuyên.

#### B. — Tài liệu văn-nghệ :

1) **Sưu tập**, chọn lọc và tu-chỉnh lại những tài-liệu Văn-nghệ đã có sẵn từ trước cho hợp thời hợp cảnh, sát với thực-tế.

2) **Tổ chức** những cuộc **Thi sáng tác** (và trình diễn, nếu có thể), **Đặt giải thưởng** để khuyến khích những huynh-trưởng hay đoàn viên có khả năng; có thể mời những thanh niên ngoài tham dự thi đua.

3) **Phổ-biến** sâu rộng những tài liệu huấn-luyện và tác phẩm đã được chuẩn nhận bằng cách ấn loát, trình-diễn, triển lãm v.v...

4) **Sưu tầm** thêm những tài-liệu khác trong cũng như ngoài nước khả dĩ dùng được cho gia-đình Phật-Tử để phổ-biến trong gia-đình Phật-Tử.

C — Cán-bộ huấn-luyện văn-nghệ :

1) **Tổ-chức huấn-luyện văn-nghệ** cho các tầng lớp huynh-trưởng. Gây ý-thức về tính cách quan trọng của Văn nghệ, một yếu tố dùng làm phương-tiện giáo-dục G. Đ. P. T., về sự cần thiết phải được học và biết huấn-luyện Văn-nghệ đối với huynh-

trưởng.

2) **Thu hút những Thanh-niên có khả-năng**, nhất là các **Văn-nghệ-sĩ** đến với G.Đ.P.T. bằng cách nói rộng điều-kiện gia-nhập đoàn thể đối với họ; không nên quá khắt khe đối với họ khi họ chỉ đến G.Đ.P.T. vì Văn nghệ mà chưa được thẩm-nhuần Đạo-Phật.

Trên kia, tôi chưa có dám đề cập đến **Nền Văn-nghệ Gia-Đình Phật-Tử**, vì theo ý riêng tôi chúng ta chưa có gì để xứng đáng với một **Nền Văn nghệ** — Nhưng **Chưa có** không có nghĩa là **Không có**. Chúng ta cần phải có một nền Văn-nghệ Gia-đình Phật-Tử với sắc thái riêng tư để đóng góp vào ngôi nhà Văn hóa Phật-Giáo Việt-Nam hiện đang được xây cất.

Nền Văn-nghệ tương lai của Gia-đình Phật-Tử không chú tâm chờ đợi một thành tựu nào, mà chỉ kỳ-vọng nơi sự đóng góp nhỏ nhặt hàng ngày của mọi người Thanh-niên Phật-Tử chúng ta. Đóng góp không phải bằng cách học và dạy rất nhiều Văn-nghệ, mà bằng cách làm cho chính mình và bạn đồng-đạo trở nên những thanh-niên **Được giáo dục bằng Văn-nghệ** — Nếu chúng ta được phép chờ đợi một thành tựu, chúng ta hãy chờ đợi thành tựu Văn-nghệ ấy !



# TIN - TỨC

## Ba cuộc đại hội đồng của 3 tập đoàn trực thuộc trong Tổng-hội Phật-giáo toàn quốc

### GIÁO HỘI TĂNG-GIÀ BẮC-VIỆT tại miền Nam

Cuộc Đại-Hội-Đồng Giáo-Hội Tăng-Già Bắc-Việt đã long trọng khai mạc, theo nghi-lễ tôn-giáo, hồi 9 giờ sáng ngày 21/2/1960 (25-1 Canh-Tý) tại trụ-sở chùa Giác-Minh, số 578 đường Phan-Thanh Giản, Saigon. Tham dự Đại-

hội có đông đủ quý vị Thượng-Tọa, Đại-đức tăng-ni trong Giáo-Hội. Cuộc họp được đặt dưới quyền Chủ-tọa danh-dự của Hòa-Thượng Thích Thanh-Thạnh, Chứng-minh đạo-sư của Giáo-Hội Tăng-Già Bắc-Việt, với mục đích bầu Ban Trị-Sự mới niên-khoá 1960 - 1962,

Dưới đây là thành phần ban Trị-Sự:

Chứng-Minh Đạo-Sư :	Hòa-Thượng Thích Thanh-Thạnh
Chủ-tịch :	Đại-Đức Thích Đức-Nhuân
Phó Chủ-tịch :	Đại-Đức Thích Độ-Lượng
Tổng Thư ký :	Đại-Đức Thích Bình-Minh
Thư ký :	Đại-Đức Thích Quảng-Long
Thủ-quỹ :	Đại-Đức Thích Thanh-Bối
Giám-luật :	Thượng-tọa Thích Thanh-Thái
Ủy-viên hoằng pháp :	Đại-Đức Thích Chính-Tiến
— giáo-dục :	Đại-Đức Thích Đức-Nghiệp
— kinh-tài :	Đại-Đức Thích Quang-Hào
Cố-vấn :	Thượng-tọa Thích Đức-Tuệ
— :	Thượng-tọa Thích Tâm-Châu
— :	Thượng-tọa Thích Quang-Phổ
— :	Đại-đức Thích Tuệ-Đăng

### Đại hội đồng « Hội Việt-Nam Phật Giáo » (Tập đoàn Cư sĩ)

SAIGON (VTX) 29-2. — Đại Hội Đồng lần thứ 10 của « Hội Việt Nam Phật Giáo » đã khai mạc vào hồi 9 giờ sáng hôm 28-2 tại trụ sở Trung-Uơng, Chùa Phước Hòa, số 491/14 đường Phan Đình Phùng, Saigon. Do một nhóm tu sĩ và tín hữu Phật giáo thành lập từ năm 1934 tại Hà nội. Hội Việt Nam Phật Giáo lúc bấy giờ mang tên là « Hội Phật Giáo Bắc Việt », do Đạo hữu Nguyễn Năng Quốc làm Hội Trưởng. Năm 1945 Đại hội đồng quyết định lấy tên hội là « Hội Việt Nam Phật Giáo » cho đến ngày nay.

Kể từ tháng 7-1954 tức là lúc di chuyển vào Nam phần, Hội Việt Nam Phật Giáo đặt trụ sở Trung Ương tại Chùa Phước Hòa. Ngoài ra, Hội cũng thành lập một trường học tại Saigon dành cho con em của đồng bào di cư; cùng thực hiện được nhiều công tác Xã Hội khác nữa. Sau khi Đạo hữu Tổng Thư ký đọc bản phúc trình các hoạt động vừa qua, Đại hội đã bầu xong Ban Trị Sự Trung ương niên khóa 1960 — 62 với thành phần như sau: Chủ tịch Đạo hữu Nguyễn Gia Tường, Phó Chủ tịch Sư Bà

Đàm-Hương Đạo-hữu Dư Cao  
 Thường, Tổng Thư ký Đạo hữu  
 Viên-Quang Nguyễn Đình Dương  
 Phó Tổng Thư ký Đạo hữu Nguyễn  
 Cao Tường và Ngô Văn Thuần.  
 Thủ quỹ Đạo hữu Vũ Văn Hải.

**ĐẠI-HỘI ĐỒNG HỘI PHẬT-GIÁO  
 TẠI TRUNG-PHẦN LẦN THỨ 28  
 (TẬP ĐOÀN CƯ-SÍ)**

Cuộc đại-hội liên tiếp 3 ngày  
 8, 9, 10 tháng 2 Canh-Tý (5,6,7  
 -3-1960) chính thức khai mạc vào  
 lúc 3 giờ chiều ngày 8. 2 người  
 ta nhận thấy đủ quý liệt Hòa-  
 Thượng, Thượng-Tọa Đại-đức  
 Tăng Ni trong Giáo-hội Thừa-  
 thiên và Đại biểu của 16 tỉnh hội  
 Trung-phần. Trong thời gian hội  
 nghị các Đại biểu bàn cãi rất sôi  
 nổi, số tôi nếu tiện chúng tôi sẽ  
 đăng rõ những tài liệu cần thiết.

Dưới đây là thành phần ban  
 Trị sự mới: 1960-1961

Chánh Hội-Trưởng: Hòa-Thượng  
 Thuyền-Tôn

Phó Hội-trưởng: Thượng tọa Thích  
 Đôn-Hộ

— T. T. Thích Thiện-Minh

— Đạo-hữu Tôn-thất-Tùng

Tổng thư ký: Đạo-hữu Nguyễn-văn-  
 Quy

Phó thư ký: Nguyễn-Dục

Tổng Thủ quỹ: Đ. H. Cao-hữu-Vĩnh

Phó Thủ quỹ: — Đỗ trọng-Tuấn

Kiểm lý ngân sách: — Lê Văn-Dũng

Cố-Vấn: Thượng Tọa Thích Mật-  
 Nguyễn

« Thích Mật-Hiền

« Thích Thiện-Siếu

« Thích Trí-Quang

« Thích Huyền-Quang

Đạo-hữu: Lê-như-Lâm

« Lê-đình-Loan

« Biều-Du

« Lê-mộng-Tùng

« Nguyễn-hữu-Tùng

Đạo hữu Nguyễn-hữu-Tuấn

« Nguyễn-Dương

« Lê bá-Ý

Ủy-viên hoàng - Pháp T. T. Thích  
 Trí-Thủ

Ủy - viên Văn - nghệ Đạo - hữu  
 Phạm-đăng-Trí

Ủy - viên Giáo - dục Đạo - hữu  
 Lê-mộng-Đào

Ủy - viên Gia - Đình Phật - Tử  
 Đạo-hữu Hoàng-thị Kim-Cúc

Ủy - viên Tương - tế Đạo - hữu  
 Vương-hưng-Luyến

Ủy - viên Từ - thiện Đạo - hữu  
 Nguyễn-tâm-Thắng

**HỘI QUÁN THỂ ÂM 19-2  
 TẠI NON NƯỚC.**

Giáo - hội Tăng-già Trung - phần  
 cho biết: Vì một vài trở ngại bên  
 ngoài, nên cuộc lễ Hội Quán-Thể  
 Âm phải thu hẹp không thể tổ  
 chức long trọng đúng như chương  
 trình đã dự định mà chúng  
 tôi đã loan báo trong Liên Hoa số 1.  
 Vậy chúng tôi xin tin lại quý độc  
 giả rõ.

**CUỘC HỌP CỦA BỐN BAN  
 CHUYÊN MÔN CÙNG TẠM HOẢN.**

Do điện tín của văn-phòng Giáo  
 hội toàn quốc tại Saigon cho hay  
 Hòa-Thượng Thượng - Thủ và  
 Thượng - Tọa Trị-sự trưởng toàn  
 quốc bị bệnh, nên buổi họp bốn  
 ban chuyên môn Hoằng-pháp, Giáo  
 dục, Nghi lễ và Giám luật đúng ra  
 phải họp tại Huế vào hạ tuần tháng  
 2 Âm lịch, nay tạm hoãn đến một  
 ngày khác.

**BUỔI DIỄN THUYẾT ĐẶC SẮC**

Buổi giảng công cộng với đề tài:  
 «Giá trị luân lý Đạo-Phật» vào ngày  
 7-2-1960 tại lễ đường trường  
 Huế-Kiều Đàlat do Đại-đức Thích  
 Mãn-Giác trình bày.

Buổi giảng ấy có nhiều kết quả  
 tốt đẹp nhất là đối với giới trí  
 thức ở Đàlat.

## TIN THẾ GIỚI

### Hoạt động Phật-Giáo tại Đài-Loan

Theo đề nghị của ông H.C.Chon, hội Phật-Giáo Đài-Loan đã thiết-lập học bổng trong năm 1959 cho sinh-viên Đại-Học Đài-Loan và Đại-Học Sur-pham.

« Tiếng nói Phật-Giáo » đã phát thanh được 5 năm. Đài phát thanh Chiayi Kungyi trong năm 1958 cũng đã có một chương trình phát thanh Phật-Giáo

### Phật-Giáo sẽ là Quốc-giáo

Ông U.Nu nguyên Thủ-Tướng Diễn Điện đã tuyên bố trong một buổi diễn thuyết tại Rangoong rằng: nếu đảng ông nắm chính quyền trong kỳ tổng tuyển cử, đảng ông sẽ đưa ra dự án đạo-luật tổ chức Phật-Giáo thành ra Quốc-giáo sau khi thảo luận với các lãnh tụ tôn giáo khác.

Ông U.Nu đã nói với 5.000 người dự thính rằng: đã có nhiều người yêu cầu tuyên bố Phật-giáo là Quốc-Giáo và lời « yêu cầu ấy có nhiều hậu thuẫn »

### Tôn giáo của Thủ-Tướng Nehru

Thủ-Tướng Nehru tại Tân-Đê-Li đã tuyên bố ông không tin tưởng ở hình thức nghi lễ của Tôn-Giáo y-kiến chắc chắn của ông là theo luật thiên nhiên thì những hành-động tốt sinh ra kết quả tốt, hành động xấu đem lại kết quả xấu.

Ông nói « tôi tin tưởng chắc chắn ở một việc là nếu có những định-luật về lý hóa thì cũng có những luật về những hành động thiện và ác. Những hành-động xấu nhất định phải đem lại kết quả xấu khi này hay khi khác và hành vi tốt nhất định phải đem lại kết quả tốt.

Ông Nehru đã tuyên bố như

thế trong khi nhấn mạnh về điều mọi sự trên thế giới cần được xét với sự hiểu biết sâu xa, sự thấy xa và xét nghiêm.

### Phật-Giáo tại Đông Hồi-quốc

Một phái đoàn 5 Phật Tử của Đông Hồi-quốc do Đại-đức Visad dhananda hướng-dẫn đã đến Dacca gặp ông Habibur Rahman, Bộ-Trưởng phụ trách thiếu số sự vụ đề cầm ơn chính quyền Tây hồi-quốc số tiền 100.000 Ru-pi và chính-quyền Đông Hồi-quốc về số tiền 32.000 ru-pi đã tặng cho đoàn-thể Phật-Tử.

Phái đoàn cũng cầm ta chính quyền Đông-Hồi Quốc đã tặng cho một miếng đất tại Dacca để xây cất một ngôi chùa.

Phái đoàn có xin ông Bộ-Trưởng cho phổ-biến một cách thích ứng ở ngoại-quốc những cổ tích tìm ra được tại Paharpur Mainamati và Begra chứng tỏ một quá khứ danh tiếng về văn hóa và văn minh Phật-giáo tại một phần đất hiện nay thuộc về Hồi-quốc

### Hoạt-động Phật-Giáo tại Mã-Lai

Mỗi ngày thứ bảy Đại-đức Pamaratana, Tru-tri Chùa Mahin darama tại Pénang, cùng với một số thanh niên Phật-tử đến viếng Bệnh-viện Trung-trương để ủy lao các bệnh nhân. Rất nhiều bệnh nhân đã hưởng được lợi ích của các cuộc thăm viếng ấy.

Những tổ chức Phật-giáo khác cũng bắt chước làm như thế. Có một số bệnh hăm thích Phật giáo, và số sách lớn về Phật-giáo không đủ cho họ dùng.

Chùa Mahindarama cũng có tổ chức một lớp học chữ Ba-li vào ngày chủ-nhật. Lớp học độc-nhất này tại Penang mặc dầu mới mở cũng đã có 40 Hội viên đến dự học.